

Số/No.: 562./2025/CV-PC

Tp. HCM, ngày 16 tháng 07 năm 2025
Ho Chi Minh City, July 16th, 2025

V/v: Công bố Quyết định HĐQT về việc sửa đổi Điều lệ Công ty

Ref: Disclosing the Decision of the BOD on the amendment of the Company's Charter

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG **EXTRAORDINARY INFORMATION DISCLOSURE**

Kính gửi:
Respectfully to:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
State Securities Commission of Vietnam
- Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam
Vietnam Exchange
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh
Ho Chi Minh Stock Exchange

1. Tên tổ chức: **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN RỒNG VIỆT**

Name of organization: **VIET DRAGON SECURITIES CORPORATION**

Mã chứng khoán/Mã thành viên : VDS/033

Stock code/Broker code

Địa chỉ/Address : Tầng 1 đến Tầng 8, Tòa nhà Viet Dragon, 141 Nguyễn Du,
Phường Bến Thành, TP.HCM
Floor 1 to Floor 8, Viet Dragon Tower, 141 Nguyen Du Street,
Ben Thanh Ward, HCMC

Điện thoại liên hệ/Tel : 028.6299.2006

E-mail : congbothongtin@vdsc.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố/Contents of disclosure:

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt trân trọng công bố:

Viet Dragon Securities Corporation respectfully announce:

- a) Quyết định số 36/2025/QĐ-HĐQT ngày 16/07/2025 của Hội đồng quản trị về việc sửa đổi Điều lệ Công ty; và

Decision No. 36/2025/QĐ-HĐQT dated July 16th, 2025 of the Board of Directors on the amendment of the Company's Charter; and

- b) Điều lệ Công ty ngày 16/07/2025.

The Company's Charter dated July 16th, 2025.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 16/07/2025 tại đường dẫn <https://www.vdsc.com.vn/quan-he-co-dong/cong-bo-thong-tin>

This information was published on the Company's website on July 16th, 2025, as in the link <https://www.vdsc.com.vn/quan-he-co-dong/cong-bo-thong-tin>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.

Tài liệu đính kèm/Attached documents:

- QĐ 36/2025/QĐ-HĐQT
- Decision 36/2025/QĐ-HĐQT
- Điều lệ Công ty ngày 16/07/2025
- The Company's Charter dated July 16th, 2025

Nơi nhận/Recipients:

- Như trên/As above.
- Lưu/Archives: VT, PC.

ĐẠI DIỆN CTCP CHỨNG KHOÁN RỒNG VIỆT
REPRESENTATIVE OF VIET DRAGON
SECURITIES CORPORATION
NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CBTT
PERSON AUTHORIZED TO DISCLOSE INFORMATION
TỔNG GIÁM ĐỐC/GENERAL DIRECTOR



NGUYỄN THỊ THU HUYỀN



Số/No.: **36**/2025/QĐ-HĐQT

TP. HCM, ngày **16** tháng 07 năm 2025
HCM City, July **16**, 2025

QUYẾT ĐỊNH
DECISION

(V/v Sửa đổi Điều lệ Công ty)
(Regarding the amendment of the Company Charter)

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN RỒNG VIỆT
BOARD OF DIRECTORS
VIET DRAGON SECURITIES CORPORATION

Căn cứ/ In accordance with:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
Law on Enterprises No. 59/2020/QH14 issued by the National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam on June 17th, 2020;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
Law on Securities No. 54/2019/QH14 issued by the National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam on November 26th, 2019;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt;
The Company Charter of Viet Dragon Securities Corporation;
- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tài chính 2024 số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 03/04/2025 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt;
Resolution of the Annual General Meeting of Shareholders FY2024 No. 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ dated April 03rd, 2025 of Viet Dragon Securities Corporation;
- Nghị quyết số 13/2025/NQ-HĐQT ngày 13/05/2025 của Hội đồng quản trị về việc triển khai thực hiện phương án Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và trình tự thực hiện các đợt phát hành cổ phiếu theo phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ năm 2025;
Resolution of the Board of Directors No. 13/2025/NQ-HĐQT dated May 13th, 2025, regarding the implementation of the plan for share issuance to pay dividend and the sequence of share issuances in accordance with the Plan of share issuance to increase capital in 2025;
- Nghị quyết số 14/2025/NQ-HĐQT ngày 20/06/2025 của Hội đồng quản trị về việc Tăng vốn điều lệ của Công ty sau đợt phát hành cổ phiếu để trả cổ tức;
Resolution No. 14/2025/NQ-HĐQT dated June 20, 2025 of the Board of Directors regarding the increase of the Company Charter capital after completing the shares issuance for paying dividends;



- Giấy phép điều chỉnh số 43/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 08/07/2025 điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán ("Giấy phép điều chỉnh số 43/GPĐC-UBCK").

Amended License No. 43/GPĐC-UBCK dated July 08th, 2025, issued by State Securities Commission amending the License of Establishment and Operation ("Amended License No. 43/GPĐC-UBCK").

QUYẾT ĐỊNH:

DECIDED:

Điều 1: Thông qua việc sửa đổi Điều lệ Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt theo mức vốn điều lệ mới để phù hợp với Giấy phép điều chỉnh số 43/GPĐC-UBCK, cụ thể như sau:

Article 1: Approved the amendments of the Company Charter with new information of the Company Charter capital in compliance with the Amended License No. 43/GPĐC-UBCK, as follows:

Sửa đổi nội dung tại Khoản 1 Điều 6 Điều lệ Công ty:

Amendment to Clause 1, Article 6 of the Company Charter:

Nội dung hiện tại/ Current content:

"Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần

1. Vốn điều lệ của Công ty là 2.430.000.000.000 đồng (Hai ngàn bốn trăm ba mươi tỷ đồng chẵn).

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 243.000.000 (Hai trăm bốn mươi ba triệu) cổ phần với mệnh giá cổ phần là 10.000 (Mười ngàn) đồng/cổ phần."

"Article 6. Charter capital, shares

1. The Company Charter capital is VND 2,430,000,000,000 (Two thousand, four hundred and thirty billion Vietnamese Dong).

The total charter capital is divided into 243,000,000 shares (Two hundred and forty-three million shares) with a par value of VND 10,000 (Ten thousand Vietnamese Dong) per share."

Nội dung sửa đổi/ Amended content:

"Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần

1. Vốn điều lệ của Công ty là 2.673.000.000.000 đồng (Hai ngàn sáu trăm bảy mươi ba tỷ đồng).

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 267.300.000 (Hai trăm sáu mươi bảy triệu ba trăm ngàn) cổ phần với mệnh giá cổ phần là 10.000 (Mười ngàn) đồng/cổ phần."

"Article 6. Charter capital, shares

1. The Company Charter capital is VND 2,673,000,000,000 (Two thousand, six hundred and seventy-three billion Vietnamese Dong).

The total charter capital is divided into 267,300,000 shares (Two hundred, sixty-seven million and three hundred thousand shares) with a par value of VND 10,000 (Ten thousand Vietnamese Dong) per share."

Điều 2: Trách nhiệm phổ biến, quán triệt và triển khai thực hiện Quyết định này.

Article 2: Responsibility for disseminating, ensuring comprehension, and implementing this Decision.

- Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

This Decision shall be effective from the date of signing.

312
CÔNG
CỔ PH
ỨNG K
ÔNG I
TP. H

- Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Quyết định này.

Members of the Board of Directors, General Director and relevant units and individuals are responsible for the implementation of this Decision.

Nơi nhận/To:

- Như Điều 2 "để thực hiện"/ As Article 3 "to implement";
- HĐQT, BKS "để biết"/ BOD, BOS "to follow";
- Lưu VP. HĐQT/ Archive in BOD Office.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
FOR AND ON BEHALF OF THE BOARD OF DIRECTORS
CHAIRMAN**



NGUYỄN MIÊN TUẤN



A handwritten signature in black ink.



ĐIỀU LỆ

CÔNG TY CỔ PHẦN

CHỨNG KHOÁN RỒNG VIỆT



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 07 năm 2025

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	5
Điều 1. Giải thích thuật ngữ.....	5
II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY	6
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty.....	6
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty	6
III. MỤC TIÊU VÀ NGUYÊN TẮC HOẠT ĐỘNG, PHẠM VI HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA CÔNG TY	7
Điều 4. Mục tiêu, nguyên tắc hoạt động của Công ty	7
Điều 5. Phạm vi hoạt động kinh doanh của Công ty.....	8
IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN	8
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần.....	8
Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu	8
Điều 8. Phát hành Chứng quyền có bảo đảm và Chứng chỉ chứng khoán khác.....	9
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần.....	9
Điều 10. Thu hồi cổ phần	9
V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT	10
Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát.....	10
VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	10
Điều 12. Quyền của cổ đông.....	10
Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông	12
Điều 14. Đại hội đồng cổ đông	12
Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông.....	13
Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông	15
Điều 17. Thay đổi các quyền	15
Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông	16
Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	17
Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	17
Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua	19
Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	20
Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	21
Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	22
VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	22
Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị.....	22
Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	23

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	23
Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	24
Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị	25
Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị	26
Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị	27
Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty	27
VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	28
Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý	28
Điều 34. Người điều hành Công ty	28
Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc	28
Điều 36. Kiểm soát nội bộ và Quản trị rủi ro trực thuộc Bộ máy quản lý	29
IX. BAN KIỂM SOÁT	30
Điều 37. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên)	30
Điều 38. Thành phần Ban Kiểm soát	30
Điều 39. Trưởng Ban kiểm soát	30
Điều 40. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát	31
Điều 41. Cuộc họp của Ban kiểm soát	31
Điều 42. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát	31
Điều 43. Ứng cử, đề cử thành viên Ủy ban kiểm toán	32
Điều 44. Thành phần Ủy ban Kiểm toán	32
Điều 45. Quyền và nghĩa vụ của Ủy ban kiểm toán	32
Điều 46. Cuộc họp của Ủy ban kiểm toán	33
Điều 47. Báo cáo hoạt động của thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong Ủy ban kiểm toán tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên	33
X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	33
Điều 48. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	34
Điều 49. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	34
XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY	35
Điều 50. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ	35
XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN	35
Điều 51. Công nhân viên và công đoàn	35
XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN	36
Điều 52. Phân phối lợi nhuận	36
XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN	36
Điều 53. Tài khoản ngân hàng	36
Điều 54. Năm tài chính	36
Điều 55. Chế độ kế toán	36
XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN	37
Điều 56. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý, báo cáo thường niên	37

XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY	37
Điều 57. Kiểm toán.....	37
XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP	37
Điều 58. Dấu của doanh nghiệp	37
XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY	38
Điều 59. Giải thể công ty	38
Điều 60. Gia hạn hoạt động.....	38
Điều 61. Thanh lý.....	38
XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	39
Điều 62. Giải quyết tranh chấp nội bộ.....	39
XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	39
Điều 63. Điều lệ công ty.....	39
XXI. NGÀY HIỆU LỰC	39
Điều 64. Ngày hiệu lực.....	39

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được thông qua lần đầu theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 07 tháng 04 năm 2021 và được sửa đổi, bổ sung theo các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông sau đó.

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:
 - a. *Vốn điều lệ* là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập công ty cổ phần và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này;
 - b. *Vốn có quyền biểu quyết* là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c. *Luật Doanh nghiệp* là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;
 - d. *Luật Chứng khoán* là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;
 - e. *Việt Nam* là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
 - f. *Công ty* là Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp phép hoạt động kinh doanh chứng khoán (lần đầu) theo Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 32/UBCK-GPHĐKD ngày 21/12/2006.
 - g. *Ngày thành lập* là ngày Công ty được cấp Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 32/UBCK-GPHĐKD ngày 21/12/2006 lần đầu;
 - h. *Người điều hành doanh nghiệp* là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty;
 - i. *Người quản lý doanh nghiệp* là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ công ty;
 - j. *Người có liên quan* là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;
 - k. *Cổ đông* là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần;
 - l. *Cổ đông sáng lập* là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần;
 - m. *Cổ đông lớn* là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;
 - n. *Thời hạn hoạt động* là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua;
 - o. *Sở giao dịch chứng khoán* là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.
2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.
3. Các tiêu đề (Mục, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty.

1. Tên Công ty:
 - Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN RỒNG VIỆT**
 - Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: **VIET DRAGON SECURITIES CORPORATION**
 - Tên Công ty viết tắt: **VDSCORP**
2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.
3. Trụ sở đăng ký của Công ty:
 - Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 1 đến Tầng 8, Tòa nhà Viet Dragon, 141 Nguyễn Du, Phường Bến Thành, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
 - Điện thoại: 028 6299 2006
 - E-mail: info@vdsc.com.vn
 - Website: www.vdsc.com.vn
4. Mạng lưới hoạt động của Công ty bao gồm Hội sở chính và các chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện. Công ty có thể thành lập các chi nhánh, phòng giao dịch và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.
5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn quy định tại khoản 2 Điều 59, thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn kể từ ngày thành lập.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

Công ty có 01 (một) Người đại diện theo pháp luật là Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Quyền hạn và nghĩa vụ của Người đại diện theo pháp luật.

1. Người đại diện theo pháp luật của Công ty là cá nhân đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.
2. Trường hợp Người đại diện theo pháp luật xuất cảnh khỏi Việt Nam thì phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác cư trú tại Việt Nam thực hiện quyền và nhiệm vụ của người đại diện theo pháp luật. Trong trường hợp này, người đại diện theo pháp luật vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền và nhiệm vụ đã ủy quyền.
3. Trường hợp hết thời hạn ủy quyền theo Khoản 2 Điều này mà người đại diện theo pháp luật của Công ty chưa trở lại Việt Nam và không có ủy quyền khác thì người được ủy quyền vẫn tiếp tục thực hiện các quyền và nhiệm vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty trong phạm vi đã được ủy quyền cho đến khi người đại diện theo pháp luật của Công ty trở lại làm việc tại Công ty hoặc cho đến khi Hội đồng quản trị quyết định cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của Công ty.
4. Trường hợp người đại diện theo pháp luật vắng mặt tại Việt Nam quá 30 (ba mươi) ngày mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của

doanh nghiệp hoặc chết, mất tích, đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì Hội đồng quản trị cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của công ty.

5. Trong một số trường hợp đặc biệt, người đại diện theo pháp luật do Tòa án có thẩm quyền chỉ định trong quá trình tố tụng tại Tòa án.

III. MỤC TIÊU VÀ NGUYÊN TẮC HOẠT ĐỘNG, PHẠM VI HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu, nguyên tắc hoạt động của Công ty

1. Nghiệp vụ kinh doanh của Công ty gồm:

- a. Môi giới chứng khoán;
- b. Tự doanh chứng khoán;
- c. Bảo lãnh phát hành chứng khoán;
- d. Tư vấn đầu tư chứng khoán;
- e. Kinh doanh chứng khoán phái sinh;
- f. Cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh.

Ngoài các nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán quy định tại khoản 1 Điều này, Công ty được cung cấp dịch vụ lưu ký chứng khoán, tư vấn tài chính, nhận ủy thác quản lý tài khoản giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư và các dịch vụ tài chính khác theo quy định của Bộ Tài chính.

Công ty có thể bổ sung, rút bớt một hoặc một số nghiệp vụ kinh doanh nêu tại khoản 1 Điều này sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty: huy động và sử dụng vốn có hiệu quả nhằm thu lợi nhuận tối đa, tạo công ăn việc làm cho người lao động, tăng lợi tức cho cổ đông, đóng góp cho Ngân sách Nhà nước và phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh.

3. Nguyên tắc hoạt động:

- a. Nguyên tắc hoạt động quản trị, điều hành Công ty

- i. Phải tuân thủ các quy định của Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan về quản trị Công ty.
- ii. Phải phân định rõ trách nhiệm giữa Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc phù hợp với Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp và các quy định khác của pháp luật có liên quan.
- iii. Đảm bảo cung cấp thông tin đầy đủ và đối xử công bằng giữa các cổ đông, đảm bảo các quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông.
- iv. Phải thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro và giám sát, ngăn ngừa những xung đột lợi ích trong nội bộ công ty và trong giao dịch với người có liên quan.
- v. Phải bảo đảm nhân viên làm việc tại bộ phận nghiệp vụ phải có chứng chỉ hành nghề chứng khoán phù hợp với nghiệp vụ thực hiện theo quy định của pháp luật chứng khoán và thị trường chứng khoán.

- b. Nguyên tắc hoạt động nghiệp vụ của Công ty



- i. Phải ban hành các quy trình hoạt động cho các nghiệp vụ.
- ii. Phải ban hành quy tắc đạo đức hành nghề.
- iii. Công ty, nhân viên Công ty không được thực hiện đầu tư thay cho khách hàng trừ trường hợp ủy thác quản lý tài khoản giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư cá nhân theo quy định pháp luật.
- iv. Có trách nhiệm trung thực với khách hàng, không được xâm phạm tài sản, các quyền và lợi ích hợp pháp khác của khách hàng.
- v. Thực hiện chế độ kế toán, kiểm toán, thống kê, nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật.
- vi. Thực hiện công bố thông tin và báo cáo kịp thời, đầy đủ, chính xác theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Phạm vi hoạt động kinh doanh của Công ty

Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và đã công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia đồng thời đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của Luật Đầu tư, Luật Chứng khoán, pháp luật chuyên ngành liên quan.

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần

1. Vốn điều lệ của Công ty là 2.673.000.000.000 đồng (Hai ngàn sáu trăm bảy mươi ba tỷ đồng).
Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 267.300.000 (Hai trăm sáu mươi bảy triệu ba trăm ngàn) cổ phần với mệnh giá cổ phần là 10.000 (Mười ngàn) đồng/cổ phần.
2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.
3. Cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này chỉ bao gồm cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.
4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.
5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.
6. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.
7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.
3. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:
 - a. Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;
 - b. Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 8. Phát hành Chứng quyền có bảo đảm và Chứng chỉ chứng khoán khác

1. Phát hành chứng quyền có bảo đảm:
 - a. Căn cứ quy định của pháp luật và chấp thuận của Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Công ty sẽ phát hành chứng quyền có bảo đảm và thực hiện tất cả các nghiệp vụ liên quan đến chứng quyền có bảo đảm.
 - b. Chứng quyền có bảo đảm là chứng khoán có tài sản bảo đảm do Công ty phát hành, cho phép người sở hữu được quyền mua (Chứng quyền mua) hoặc được quyền bán (Chứng quyền bán) chứng khoán cơ sở cho Công ty theo một mức giá đã được xác định trước, tại hoặc trước một thời điểm đã được ấn định, hoặc nhận khoản tiền chênh lệch giữa giá thực hiện và giá chứng khoán cơ sở tại thời điểm thực hiện.
 - c. Người sở hữu chứng quyền là chủ nợ có bảo đảm một phần của Công ty (không bao gồm lượng chứng quyền chưa lưu hành). Bên cạnh đó, người sở hữu chứng quyền có các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, bản cáo bạch khi chào bán chứng quyền, bao gồm nhưng không giới hạn trong các quyền nhận thanh toán bằng tiền hoặc chuyển giao chứng khoán cơ sở, chuyển nhượng, tặng cho, để lại thừa kế, cầm cố, thế chấp,...
2. Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác, cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại và chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ.
2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là 07 (bảy) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.
4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 112 Luật Doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.
5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.
6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị.
3. Ban kiểm soát.
4. Tổng giám đốc.

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:
 - a. Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
 - b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;
 - d. Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;
 - e. Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;
 - f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
 - g. Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;
 - h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;



- i. Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;
 - j. Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;
 - k. Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
 - l. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% (năm phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:
- a. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;
 - b. Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;
 - c. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;
 - d. Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 (ba) ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;
 - e. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% (mười phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:
- a. Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.



Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.
2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.
3. Tuân thủ Điều lệ công ty và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.
4. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.
6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:
 - a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b. Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
 - e. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ công ty.
7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - a. Vi phạm pháp luật;
 - b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.
8. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác, Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.
2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái



ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
 - a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
 - b. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
 - c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
 - d. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
 - e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường
 - a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này;
 - b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;
 - c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.
 - d. Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:
 - a. Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
 - b. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
 - c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;



- d. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - e. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
 - f. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
 - g. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - h. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
 - i. Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
 - j. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - k. Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - l. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
 - m. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.
2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:
- a. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
 - b. Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
 - c. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
 - d. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;
 - e. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;
 - f. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
 - g. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - h. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
 - i. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - j. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;
 - k. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;
 - l. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;
 - m. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
 - n. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
 - o. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - p. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

- q. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
 - r. Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
 - s. Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;
 - t. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.
2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây trừ trường hợp:
 - a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
 - b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
 - c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 17. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.



2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.
3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19, 20 và 21 Điều lệ này.
4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ này.
2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:
 - a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 (mười) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 (hai mươi) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;
 - b. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;
 - c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;
 - d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;
 - e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
 - f. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;
 - g. Các công việc khác phục vụ đại hội.
3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 (hai mươi mốt) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
 - b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
 - c. Phiếu biểu quyết;
 - d. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.
4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.
 5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:
 - a. Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;
 - b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% (năm phần trăm) cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này;
 - c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
 6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% (năm mươi phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết.
2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất nếu Điều lệ công ty không quy định khác. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% (ba mươi ba phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết trở lên.
3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 (hai mươi) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:
 - a. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng

đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;

- b. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.
2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:
 - a. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
 - b. Trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
 - c. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;
 - d. Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.
 3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.
 4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.
 - a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;
 - c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.
 5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.
 6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.
 7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

- a. Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;
 - b. Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:
- a. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
 - b. Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
 - c. Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.
9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.
10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% (sáu mươi lăm phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:
 - a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
 - d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - e. Tổ chức lại, giải thể Công ty.
2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% (năm mươi phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này và các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.
3. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, kể cả trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp.
2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 (mười) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Mục đích lấy ý kiến;
 - c. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
 - d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
 - f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
 - g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:
 - a. Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
 - b. Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;
 - c. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.
5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

- c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- e. Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

- 6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.
- 7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
- 8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% (năm mươi phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

- 1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
 - d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
 - e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
 - f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
 - g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
 - h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
 - i. Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.
4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 21 Điều lệ này.
2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, để cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:
 - a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b. Trình độ chuyên môn;
 - c. Quá trình công tác;
 - d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
 - e. Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
 - f. Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
 - g. Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua để cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức để cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.
4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp và không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc (Giám đốc) của công ty chứng khoán khác.

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị của Công ty ít nhất là 05 (năm) thành viên và nhiều nhất là 11 (mười một) thành viên.
2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 (năm) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 (hai) nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.
3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Cơ cấu Hội đồng quản trị phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị. Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đảm bảo quy định sau:

 - a. Có tối thiểu 01 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên;
 - b. Có tối thiểu 02 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên;
 - c. Có tối thiểu 03 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 09 đến 11 thành viên;
4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.
5. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
6. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

- a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
 - b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - c. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
 - d. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
 - e. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
 - f. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
 - g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
 - h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;
 - i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc (Tổng giám đốc) và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
 - j. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;
 - k. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
 - l. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
 - m. Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
 - n. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
 - o. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;
 - p. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của công ty;
 - q. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.
3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.
3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.
6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng giám đốc.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - e. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - f. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.
5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác để thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ này. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo

dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 (một) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a. Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
 - b. Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 (năm) người quản lý khác;
 - c. Có đề nghị của ít nhất 02 (hai) thành viên Hội đồng quản trị.
4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.
6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 (ba) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax hoặc phương tiện điện tử và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.
7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.
8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.
9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
 - c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
 - e. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ này.
10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 (một) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.
11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.
12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 (ba) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.
2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 (một) người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.
2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.
3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:
 - a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
 - b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
 - c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
 - d. Tham dự các cuộc họp;



- e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
- f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;
- g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
- h. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
- i. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
- j. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty. Công ty có Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 34. Người điều hành Công ty

1. Người điều hành Công ty bao gồm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các Giám đốc Điều hành.
2. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.
3. Tổng giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.
4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 (một) thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc.
2. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.
3. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Khoản 5 Điều 74 Luật Chứng khoán.
4. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:
 - a. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
 - b. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;



- c. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
 - d. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
 - e. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
 - f. Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Giám đốc (Tổng giám đốc);
 - g. Tuyển dụng lao động;
 - h. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
 - i. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.
5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.

Điều 36. Kiểm soát nội bộ và Quản trị rủi ro trực thuộc Bộ máy quản lý

1. Bộ phận Kiểm soát nội bộ có nhiệm vụ kiểm soát tuân thủ những nội dung sau:
 - a. Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định pháp luật, điều lệ Công ty, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, quyết định của Hội đồng quản trị, các quy chế, quy trình nghiệp vụ, quy trình quản trị rủi ro của Công ty, của các bộ phận có liên quan và của người hành nghề chứng khoán trong công ty;
 - b. Giám sát thực thi các quy định nội bộ, các hoạt động tiềm ẩn xung đột lợi ích trong nội bộ công ty, đặc biệt đối với các hoạt động kinh doanh của bản thân công ty và các giao dịch cá nhân của nhân viên công ty; giám sát việc thực thi trách nhiệm của cán bộ, nhân viên trong công ty, thực thi trách nhiệm của đối tác đối với các hoạt động đã ủy quyền.
 - c. Kiểm tra nội dung và giám sát việc thực hiện các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp;
 - d. Giám sát việc tính toán và tuân thủ các quy định đảm bảo an toàn tài chính;
 - e. Tách biệt tài sản của khách hàng;
 - f. Bảo quản, lưu giữ tài sản của khách hàng;
 - g. Kiểm soát việc tuân thủ quy định của pháp luật về phòng, chống rửa tiền;
 - h. Nội dung khác theo nhiệm vụ Tổng Giám đốc giao.
2. Yêu cầu về nhân sự của Bộ phận Kiểm soát nội bộ:
 - a. Trưởng bộ phận kiểm soát nội bộ phải là người có trình độ chuyên môn về luật, kế toán, kiểm toán; Có đủ kinh nghiệm, uy tín, thẩm quyền để thực thi có hiệu quả nhiệm vụ được giao;
 - b. Không phải là người có liên quan đến các trưởng bộ phận chuyên môn, người thực hiện nghiệp vụ, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc chi nhánh trong Công ty;
 - c. Có Chứng chỉ hành nghề chứng khoán hoặc Chứng chỉ Những vấn đề cơ bản về chứng khoán và thị trường chứng khoán và Chứng chỉ Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán;
 - d. Không kiêm nhiệm các công việc khác trong Công ty.
3. Nhiệm vụ của hệ thống thực thi quản trị rủi ro:
 - a. Xác định chính sách thực thi và mức độ chấp nhận rủi ro của Công ty;

- b. Xác định rủi ro của Công ty;
- c. Đo lường rủi ro;
- d. Giám sát, ngăn ngừa, phát hiện và xử lý rủi ro.

IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 37. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên)

1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 25 Điều lệ này.
2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 38. Thành phần Ban Kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty tối thiểu có 03 (ba) thành viên và nhiều nhất là 5 (năm) thành viên. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:
 - a. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
 - b. Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 (ba) năm liền trước đó.
3. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này;
 - b. Có đơn từ chức và được chấp thuận.
4. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c. Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
 - d. Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 39. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp..
2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:



- a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
- b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
- c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

Điều 40. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.
2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.
3. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác.
4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.
5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.
9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.
10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 41. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 (hai) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.
2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 42. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.
2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.
3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

Điều 43. Ứng cử, đề cử thành viên Ủy ban kiểm toán

1. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán và các thành viên khác của Ủy ban kiểm toán do Hội đồng quản trị đề cử và không phải là người điều hành Công ty.
2. Việc bổ nhiệm Chủ tịch Ủy ban kiểm toán và các thành viên khác trong Ủy ban kiểm toán phải được Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp Hội đồng quản trị.

Điều 44. Thành phần Ủy ban Kiểm toán

1. Ủy ban kiểm toán có từ 02 (hai) thành viên trở lên. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán phải là thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Các thành viên khác của Ủy ban kiểm toán phải là các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành.
2. Thành viên Ủy ban kiểm toán phải có kiến thức về kế toán, kiểm toán, có hiểu biết chung về pháp luật và hoạt động của Công ty và không thuộc các trường hợp sau:
 - a. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
 - b. Là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.
3. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh.

Điều 45. Quyền và nghĩa vụ của Ủy ban kiểm toán

Ủy ban kiểm toán có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 161 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Được quyền tiếp cận các tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty, trao đổi với các thành viên Hội đồng quản trị khác, Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và cán bộ quản lý khác để thu thập thông tin phục vụ hoạt động của Ủy ban kiểm toán.
2. Có quyền yêu cầu đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề liên quan báo cáo tài chính kiểm toán tại các cuộc họp của Ủy ban kiểm toán.
3. Sử dụng dịch vụ tư vấn pháp luật, kế toán hoặc các tư vấn khác bên ngoài khi cần thiết.
4. Xây dựng và trình Hội đồng quản trị các chính sách phát hiện và quản lý rủi ro; đề xuất với Hội đồng quản trị các giải pháp xử lý rủi ro phát sinh trong hoạt động của Công ty.
5. Lập báo cáo bằng văn bản gửi đến Hội đồng quản trị khi phát hiện thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và người quản lý khác không thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán và trình Hội đồng quản trị thông qua.

Điều 46. Cuộc họp của Ủy ban kiểm toán

1. Ủy ban kiểm toán phải họp ít nhất 02 (hai) lần trong một năm. Biên bản họp được lập chi tiết, rõ ràng và phải được lưu giữ đầy đủ. Người ghi biên bản và các thành viên Ủy ban kiểm toán tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp.
2. Ủy ban kiểm toán thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty hoặc Quy chế hoạt động Ủy ban kiểm toán quy định. Mỗi thành viên Ủy ban kiểm toán có một phiếu biểu quyết. Trừ trường hợp Điều lệ công ty hoặc Quy chế hoạt động Ủy ban kiểm toán có quy định tỷ lệ khác cao hơn, quyết định của Ủy ban kiểm toán được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Ủy ban kiểm toán.

Điều 47. Báo cáo hoạt động của thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong Ủy ban kiểm toán tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên

1. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập trong Ủy ban kiểm toán có trách nhiệm báo cáo hoạt động tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.
2. Báo cáo hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập trong Ủy ban kiểm toán tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên phải đảm bảo có các nội dung sau:
 - a. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ủy ban kiểm toán và từng thành viên Ủy ban kiểm toán theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
 - b. Tổng kết các cuộc họp của Ủy ban kiểm toán và các kết luận, kiến nghị của Ủy ban kiểm toán;
 - c. Kết quả giám sát đối với báo cáo tài chính, tình hình hoạt động, tình hình tài chính của Công ty;
 - d. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác của doanh nghiệp và những người có liên quan của đối tượng đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác của doanh nghiệp là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 (ba) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;
 - e. Kết quả đánh giá về hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro của Công ty;
 - f. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp;
 - g. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ủy ban kiểm toán với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cổ đông.

X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 48. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.
4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.
6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:
 - a. Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;
 - b. Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 (mười hai) tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

Điều 49. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.
2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy



quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.

3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 50. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:
 - a. Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% (năm phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.
2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
4. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.
5. Điều lệ Công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 51. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.
2. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt



nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 52. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.
2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.
4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.
5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông căn cứ theo phương án của Đại hội đồng cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.
6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 53. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 54. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm.

Điều 55. Chế độ kế toán

1. Công ty sử dụng Hệ thống Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc hệ thống kế toán được Bộ Tài chính chấp thuận, tuân thủ các chế độ kế toán dành cho công ty chứng khoán do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản hướng dẫn kèm theo. Công ty phải chịu sự kiểm tra của cơ quan Nhà nước về việc thực hiện chế độ kế toán - thống kê.



2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 56. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý, báo cáo thường niên

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.
3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
4. Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 57. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.
2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.
3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP

Điều 58. Dấu của doanh nghiệp

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.
2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).
3. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY

Điều 59. Giải thể công ty

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:
 - a. Kết thúc thời hạn hoạt động mà không có quyết định gia hạn;
 - b. Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.
3. Tổ chức lại Công ty: việc thực hiện chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi Công ty do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định. Trình tự, thủ tục chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán và pháp luật liên quan.

Điều 60. Gia hạn hoạt động

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất 07 (bảy) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.
2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có số cổ đông đại diện từ 65% (sáu mươi lăm phần trăm) trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông tán thành.

Điều 61. Thanh lý

1. Tối thiểu 06 (sáu) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 (ba) thành viên, trong đó 02 (hai) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 (một) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ 01 (một) công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.
2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.
3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:
 - a. Các chi phí thanh lý;
 - b. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
 - c. Nợ thuế;
 - d. Các khoản nợ khác của Công ty;



- b. Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông.

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 62. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:
 - a. Cổ đông với Công ty;
 - b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay người điều hành khác;Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.
2. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng 06 (sáu) tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.
3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 63. Điều lệ công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.
2. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới khác với điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Công ty.

XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 64. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm 21 mục, 64 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Chứng khoán Rồng Việt nhất trí thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tài chính 2020 ngày 07/04/2021 và chấp thuận toàn văn bản Điều lệ này. Bản Điều lệ được sửa đổi một số nội dung tại Điều 21 và Điều 27 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tài chính 2021 ngày 05/04/2022; được sửa đổi nội dung về mức vốn điều lệ mới để phù hợp với Giấy phép điều chỉnh số 104/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 26/10/2022; được sửa đổi nội dung về Trụ sở đăng ký của Công ty để phù hợp với Giấy phép điều chỉnh số 02/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 05/01/2023; được sửa đổi một số nội dung tại Điều 2 và Điều 8 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tài chính 2023 ngày 08/04/2024; được sửa đổi nội dung về mức vốn điều lệ mới để phù hợp với Giấy phép điều chỉnh số 56/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 17/07/2024; được sửa đổi một số nội dung tại Điều 2 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tài chính 2024 ngày 03/04/2025; được sửa đổi nội dung về mức vốn điều lệ mới để phù hợp với Giấy phép điều chỉnh số 43/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 08/07/2025.

2. Điều lệ được lập thành 06 (sáu) bản, có giá trị như nhau và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu 1/2 tổng số thành viên Hội đồng quản trị.
5. Điều lệ này có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 07 năm 2025.

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**





RONG VIET
SECURITIES



COMPANY CHARTER

VIET DRAGON SECURITIES CORPORATION



Ho Chi Minh City, July 16th, 2025

TABLE OF CONTENTS

INTRODUCTION

I. TERMS AND DEFINITIONS IN THE CHARTER	5
Article 1. Definitions	5
II. NAME, TYPE OF BUSINESS, HEADQUARTERS, BRANCHES, REPRESENTATIVE OFFICES, BUSINESS LOCATIONS, OPERATING PERIOD AND LEGAL REPRESENTATIVE OF THE COMPANY	6
Article 2. Name, type of business, headquarters, branches, representative offices, business locations, operating period of the Company	6
Article 3. The Company's legal representatives	6
III. TARGETS, OPERATING PRINCIPLES SCOPE OF BUSINESS AND OPERATION OF THE COMPANY	7
Article 4. Targets, operational principles of the Company	7
Article 5. Scope of business and operation of the Company	8
IV. CHARTER CAPITAL, SHARES, FOUNDING SHAREHOLDERS.....	8
Article 6. Charter capital, shares, founding shareholders	8
Article 7. Share certificates.....	9
Article 8. Issuing and listing Covered Warrant	9
Article 9. Transfer of shares.....	10
Article 10. Withdrawal of shares	10
V. ORGANIZATIONAL STRUCTURE, ADMINISTRATION AND CONTROL.....	10
Article 11. Organizational structure, administration and control.....	10
VI. SHAREHOLDERS AND GENERAL MEETING OF SHAREHOLDERS	11
Article 12. Rights of shareholders.....	11
Article 13. Obligations of shareholders.....	12
Article 14. General Meeting of Shareholders (GMS)	13
Article 15. Rights and Obligations of the General Meeting of Shareholders.....	14
Article 16. Authorizing participation in General Meeting of Shareholders.....	16
Article 17. Changes of rights	17
Article 18. Convening, agenda and invitations to the General Meeting of Shareholders.....	17
Article 19. Conditions for opening the General Meeting of Shareholders.	18
Article 20. Procedures for carrying out and voting at the GMS	19
Article 21. Conditions for ratification of resolutions of the GMS	21
Article 22. Authority and procedures for carrying out questionnaire survey for ratification of resolutions of the General Meeting of Shareholders	21
Article 23. Resolutions and minutes of meetings of the GMS.....	22
Article 24. Requesting cancellation of a resolution of the General Meeting of Shareholders	23
VII. THE BOARD OF DIRECTORS	24

Article 25. Nomination and self-nomination of members of the Board of Directors.....	24
Article 26. Term of office and composition of the Board of Directors.....	24
Article 27. Rights and obligations of the Board of Directors	25
Article 28. Remunerations, bonuses and other benefits of members of the Board of Directors ...	26
Article 29. The Chairman	27
Article 30. Meetings of the Board of Directors.....	27
Article 31. Subcommittees of the Board of Directors	29
Article 32. Person in charge of company administration	29
VIII. THE DIRECTOR/GENERAL DIRECTOR AND OTHER EXECUTIVES	30
Article 33. Organization of the management apparatus	30
Article 34. The Company's executives.....	30
Article 35. Designation, dismissal, duties and entitlements of the General Director	30
Article 36. Internal Control and Risk Management under the Management System	31
IX. THE BOARD OF SUPERVISORS.....	32
Article 37. Nomination and self-nomination of members of the Board of Supervisors	32
Article 38. Composition of the Board of Supervisors	32
Article 39. Chief Supervisor	33
Article 40. Rights and obligations of the Board of Supervisors.....	33
Article 41. Meetings of the Board of Supervisors	34
Article 42. Salaries, remunerations, bonuses and other benefits of members of the Board of Supervisors.....	34
Article 43. Nomination and self-nomination of members of the Audit Committee.....	34
Article 44. Composition of the Audit Committee	35
Article 45. Rights and obligations of the Audit Committee	35
Article 46. Meetings of the Audit Committee	35
Article 47. Reporting by independent members of the Board of Directors in the Audit Committee at the annual General Meeting of Shareholders.....	36
X. RESPONSIBILITY OF MEMBERS OF THE BOARD OF DIRECTORS, MEMBERS OF THE BOARD OF SUPERVISORS, THE GENERAL DIRECTOR AND OTHER EXECUTIVES	36
Article 48. Responsibility for honesty and prevention of conflict of interest	36
Article 49. Responsibility for damage and compensation	37
XI. RIGHTS TO ACCESS THE COMPANY'S DOCUMENTS AND RECORDS.....	38
Article 50. Rights to access the Company's documents and records	38
XII. EMPLOYEES AND TRADE UNION.....	38
Article 51. Employees and Trade Union	38
XIII. DISTRIBUTION OF PROFITS	39
Article 52. Distribution of profits.....	39

XIV. BANK ACCOUNTS, FISCAL YEARS AND ACCOUNTING	39
Article 52. Bank accounts	39
Article 53. Fiscal year	39
Article 54. Accounting	39
XV. FINANCIAL STATEMENTS, ANNUAL REPORTS AND RESPONSIBILITY FOR INFORMATION DISCLOSURE	40
Article 55. Annual, interim and quarterly Financial Statements, Annual reports.....	40
XVI. AUDIT	40
Article 57. Audit	40
XVII. THE COMPANY'S SEALS	40
Article 58. The Company's seals.....	40
XVIII. DISSOLUTION OF THE COMPANY	41
Article 59. Dissolution of the Company.....	41
Article 60. Extension of the operating period.....	41
Article 61. Liquidation	41
XIX. SETTLEMENT OF INTERNAL DISPUTES	42
Article 62. Settlement of internal disputes	42
XX. REVISING THE COMPANY'S CHARTER.....	42
Article 63. The Company's Charter	42
XXI. EFFECTIVE DATE	43
Article 64. Effective date.....	43

INTRODUCTION

This Company Charter was first ratified under Resolution No. 01/2021/NQ-DHDCD on April 7, 2021, by the General Meeting of Shareholders and subsequently amended under later Resolutions from the General Meeting of Shareholders.

I. TERMS AND DEFINITIONS IN THE CHARTER

Article 1. Definitions

1. For this Charter, the terms below are construed as follows:

- a. *"Charter capital"* means the total par value of shares that have been sold or subscribed upon establishment of the Company as prescribed in Article 6 of this Charter;
- b. *"Voting capital"* means the share capital that bestows upon the holders the right to vote on the issues within the jurisdiction of the GMS;
- c. *"The Law on Enterprises"* means the Law on Enterprises No. 59/2020/QH14 ratified by the National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam on June 17, 2020;
- d. *"The Law on Securities"* means the Law on Securities No. 54/2019/QH14 ratified by the National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam on November 26, 2019;
- e. *"Vietnam"* means the Socialist Republic of Vietnam;
- f. *"Company"* means Viet Dragon Securities Corporation, which has been licensed by the State Securities Commission to conduct securities business (for the first time) under License on Establishment and Operation No. 32/UBCK-GPHDKD dated December 21, 2006.
- g. *"Establishment date"* means the day on which the Company was licensed (for the first time) under License on Establishment and Operation No. 32/UBCK-GPHDKD dated December 21, 2006;
- h. *"Executives"* include the General Director, Deputy General Director, Chief accountant and other executives prescribed by the Company's Charter;
- i. *"Managers"* include the Chairman, members of the Board of Directors, the General Director and persons holding other managerial positions prescribed by the Company's Charter;
- j. *"Related persons"* are the organizations and individuals defined in Clause 46 Article 4 of the Law on Securities;
- k. *"Shareholder"* means an individual or organization that owns at least one share of the Company;
- l. *"Founding shareholder"* means a shareholder that holds at least one ordinary share and is included in the Company's list of founding shareholders;
- m. *"Major shareholder"* is defined in Clause 18 Article 4 of the Law on Securities;
- n. *"Operating period"* is the period specified in Article 2 of this Charter and may be extended if approved by the GMS;
- o. *"Stock Exchanges"* include the Vietnam Stock Exchange (VNX) and its subsidiary companies.

2. In this Charter, references to any provision or document shall include any amendments, supplements, or replacements thereof.
3. The titles of Sections and Articles of this Charter are meant to facilitate readers and do not affect the contents of this Charter.

II. NAME, TYPE OF BUSINESS, HEADQUARTERS, BRANCHES, REPRESENTATIVE OFFICES, BUSINESS LOCATIONS, OPERATING PERIOD AND LEGAL REPRESENTATIVE OF THE COMPANY

Article 2. Name, type of business, headquarters, branches, representative offices, business locations, operating period of the Company

1. Name of the Company
 - Vietnamese name: **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN RỒNG VIỆT**
 - Foreign language name: **VIET DRAGON SECURITIES CORPORATION**
 - Abbreviated name: **VDSCORP**
2. The Company is a joint stock company, which is a juridical person and is conformable with applicable regulations of law of Vietnam.
3. Headquarters:
 - Address: 1st floor to 8th floor, Viet Dragon Tower, 141 Nguyen Du, Ben Thanh Ward, District 1, Ho Chi Minh City.
 - Phone number: 028 6299 2006
 - E-mail: info@vdsc.com.vn
 - Website: www.vdsc.com.vn
4. The Company's business network includes headquarters and branches, trading offices, and representative offices. The Company may establish branches and representative offices to pursue its targets in accordance with decisions of the Board of Directors and the law.
5. Unless the Company is shut down before the expiration of the period specified in Clause 2 Article 59 the Company's operating period shall be indefinite from the establishment date.

Article 3. The Company's legal representatives

The Company's legal representative is the Chairman of Board of Directors:

Rights and obligations of the legal representatives

1. The Company's legal representative is the person who, on behalf of the enterprise, exercises and performs the rights and obligations arising from the enterprise's transactions, acts as the plaintiff, defendant, or person with relevant interests and duties before courts, arbitration bodies, and performs other rights and obligations as prescribed by law;

2. Whenever the legal representative leaves Vietnam, he/she must, in writing, authorize another Vietnamese resident to act as the legal representative. In such cases, the authorizing person remains responsible for the actions performed by the authorized person;
3. If the authorizing person has not returned to Vietnam by the time the authorization letter mentioned in (2) expires and does not take any further actions, the authorized person shall continue to act as the enterprise's legal representative until the authorizing person returns or the Board of Directors appoints another legal representative.
4. If the sole legal representative of an enterprise is absent from Vietnam for more than 30 days without authorizing another person to act as the enterprise's legal representative, or is deceased, missing, facing criminal prosecution, under temporary detention, serving a prison sentence, undergoing an administrative penalty in a correctional institution or rehabilitation center, has limited legal capacity, is incapacitated, has difficulty controlling his/her behavior, or is prohibited by the court from holding certain positions or performing specific work, the Board of Directors shall appoint another legal representative.
5. In certain special circumstances, the legal representative may be designated by a competent authority during court proceedings as prescribed by law.

III. TARGETS, OPERATING PRINCIPLES SCOPE OF BUSINESS AND OPERATION OF THE COMPANY

Article 4. Targets, operational principles of the Company

1. The Company's scope of business:
 - a. Securities Brokerage.
 - b. Dealing.
 - c. Underwriting.
 - d. Investment Advisory.
 - e. Trading Derivatives.
 - f. Providing clearing and settlement service of Derivatives.

In addition to the securities business operations specified in Clause 1 of this Article, the Company is provided with securities depository services, financial consulting, entrusted management of investors' securities trading accounts and other financial services as prescribed by the Ministry of Finance.

The Company may add or withdraw one or more business operations stated in Clause 1 of this Article after approval by the State Securities Commission.

2. The Company's operating targets: Mobilize and use capital effectively to maximize profits, create jobs for workers, increase profits for shareholders, contribute to the State Budget and develop the Company to grow stronger.
3. Operational principles:
 - a. Principles of governance and management operation

- i. Comply with the Law on Securities, the Law on Enterprises, the Company's Charter, and other relevant legal provisions related to corporate governance.
 - ii. Clearly define the responsibilities of the General Meeting of Shareholders, the Board of Directors, the Board of Supervisors, and the Board of Management in accordance with the Law on Securities, the Law on Enterprises, the Company's Charter, and other applicable legal provisions.
 - iii. Ensure the provision of complete information and fair treatment to all shareholders while safeguarding their legitimate rights and interests.
 - iv. Establish an internal control system, ensure risk management and supervision, and prevent conflicts of interest within the company as well as in transactions with related parties.
 - v. Ensure that employees in professional departments hold appropriate securities practice certificates aligned with the professional activities they perform, as required by the laws on securities and the securities market.
- b. Principles of the Company's professional operations
 - i. Promulgate the operating procedures for professional operations.
 - ii. Promulgate the code of conduct and business ethics.
 - iii. The Company and its employees are not allowed to invest on behalf of customers unless the securities trading account of the individual investor is entrusted as prescribed by the laws.
 - iv. Be responsible for honesty with customers, not to infringe upon the assets, rights and other legitimate interests of customers.
 - v. Implement accounting, auditing, statistics and financial obligations according to the provisions of law.
 - vi. Implement timely, complete and accurate information disclosure and reporting according to the provisions of law.

Article 5. Scope of business and operation of the Company

The Company may conduct business within the business lines specified in this Charter and changes thereof which have been registered to the business registration authority, State Securities Commission and published on the National Enterprise Registration Portal, as well as fulfill the conditions specified in the Law on Investment and relevant laws.

IV. CHARTER CAPITAL, SHARES, FOUNDING SHAREHOLDERS

Article 6. Charter capital, shares

1. The Company Charter capital is VND 2,673,000,000,000 (Two thousand, six hundred and seventy-three billion Vietnamese Dong).

The total charter capital is divided into 267,300,000 shares (Two hundred, sixty-seven million and three hundred thousand shares) with a par value of VND 10,000 (Ten thousand Vietnamese Dong) per share.

2. The Company's charter capital may be adjusted if approved by the GMS and in compliance with applicable laws.
3. On the approval date of this Charter, the Company's shares consist exclusively of ordinary shares. The rights and obligations of shareholders holding these shares are specified in Articles 12 and 13 of this Charter.
4. The Company may issue preference shares upon approval by the GMS and in compliance with applicable laws.
5. Ordinary shares shall first be offered to existing shareholders in proportion to their holdings unless otherwise decided by the GMS. Any unsubscribed shares shall be allocated by the Board of Directors, which may distribute them to other shareholders or third parties under terms no more favorable than those offered to existing shareholders unless otherwise approved by the GMS.
6. The Company may repurchase its shares in accordance with the methods specified in this Charter and applicable laws.
7. The Company may issue other types of shares as prescribed by law.

Article 7. Share certificates

1. Shareholders of the Company shall be issued with share certificates that specify their holdings and types of shares being held.
2. Share certificates are documents that certify the owner's legal rights and interests in a portion of the share capital of the issuer. A share certificate shall contain all information specified in Clause 1, Article 121 of the Law on Enterprises.
3. In case a share certificate is lost or damaged, the shareholder shall be reissued a replacement share certificate by the Company upon request. Such a request shall include:
 - a) Details of the lost or damaged share certificate;
 - b) A declaration of responsibility for any dispute that may arise from the issuance of the replacement share certificate.

Article 8. Issuing and listing Covered Warrant

1. Issuing Covered Warrant:
 - a. According to the provisions of law and the approval of the State Securities Commission, the Company will issue covered warrants and perform all operations related to secured warrants.
 - b. Covered warrants are securities with collateral assets issued by the Company, allowing the owner the right to buy (Purchase warrant) or sell (Sell warrant) underlying securities to the Company at a predetermined price, at or before a specified time, or receive the difference between the exercise price and the price of the underlying securities at the time of exercise.

- c. The owner of a warrant is a partially secured creditor of the Company (excluding the amount of uncirculated warrants). In addition, the owner of a warrant has the rights and obligations as prescribed by law and the prospectus when offering warrants, including but not limited to the rights to receive payment in cash or transfer underlying securities, transfer, donate, bequeath, pledge, mortgage, etc.
2. Bond certificates and other securities certificates issued by the Company shall bear the signatures of the legal representatives and seal of the Company.

Article 9. Transfer of shares

1. All shares may be transferred freely unless otherwise prescribed by this Charter or the law. Shares that are listed and registered on Stock Exchanges shall be transferred in accordance with the provisions of law on securities and the stock market.
2. Shares that are not fully paid for shall not be transferred and shall not be entitled to relevant rights, including the right to receive dividends, the right to receive bonus shares issued from equity, the right to purchase new shares, and other benefits as prescribed by law.

Article 10. Withdrawal of shares

1. In case a shareholder fails to fully and on time pay for the shares, the Board of Directors shall send a notice and is entitled to request the shareholder to pay the remaining amount. The shareholder shall be liable to the Company for damages caused by the failure to fully pay for the shares, in proportion to the total par value of the subscribed shares.
2. The notice shall specify the new deadline (at least seven (07) days from the date of notice), the payment location, and state that the unpaid shares will be withdrawn if payment is not made as requested.
3. The Board of Directors is entitled to withdraw shares that are not fully and on time paid for if the shareholder fails to fulfill the payment request.
4. Withdrawn shares shall be considered authorized shares as prescribed in Clause 3, Article 112 of the Law on Enterprises. The Board of Directors may, directly or through a third party, sell or redistribute these shares under the conditions and methods it considers appropriate.
5. The shareholder holding the withdrawn shares will cease to be a shareholder of these shares but shall remain liable to the Company for the total nominal value of the subscribed shares upon withdrawal. This liability applies for the period from the date of withdrawal until the date of payment. The Board of Directors has complete authority to enforce payment for the full value of the share certificate at the time of withdrawal.
6. The withdrawal notice shall be sent to the holder of the withdrawn shares before the withdrawal. The withdrawal shall still be carried out even if the notice contains errors or is not successfully delivered.

V. ORGANIZATIONAL STRUCTURE, ADMINISTRATION AND CONTROL

Article 11. Organizational structure, administration and control

Organizational structure, administration and control of the Company include:

1. The General Meeting of Shareholders.
2. The Board of Directors.
3. The Board of Supervisors.
4. General Director.

VI. SHAREHOLDERS AND GENERAL MEETING OF SHAREHOLDERS

Article 12. Rights of shareholders

1. Ordinary shareholders have the right to:
 - a. Attend, give opinions at the General Meeting of Shareholders, and exercise the right to vote directly, through authorized representatives, or by other methods as prescribed by the Company's Charter and the law. Each ordinary share has one vote;
 - b. Receive dividends at the rate decided by the General Meeting of Shareholders in accordance with the Company's Charter and applicable laws;
 - c. Have priority to purchase new shares in proportion to their holdings of ordinary shares;
 - d. Freely transfer shares to other persons, except in the cases specified in Clause 3, Article 120, and Clause 1, Article 127 of the Law on Enterprises and relevant laws;
 - e. Access, examine, and extract information about names and addresses of voting shareholders; request rectification of incorrect information about themselves;
 - f. Access, examine, and copy the Company's Charter, minutes of meetings, and resolutions of the General Meeting of Shareholders;
 - g. When the Company is dissolved or goes bankrupt, receive part of the remaining assets in proportion to their holdings in the Company;
 - h. Request the Company to repurchase shares in the cases specified in Article 132 of the Law on Enterprises;
 - i. Be equally treated. Each share of the same type bestows shareholders equal rights, obligations, and interests. If the Company has preference shares, rights and obligations associated with these preference shares must be approved by the General Meeting of Shareholders and disclosed to the shareholders;
 - j. Access periodic and extraordinary information disclosed by the Company as prescribed by law;
 - k. Be protected in their lawful rights and interests; request suspension or revocation of resolutions and decisions of the General Meeting of Shareholders and the Board of Directors as prescribed by the Law on Enterprises;
 - l. Other rights prescribed by law and the Company's Charter.
2. Shareholders or group of shareholders holding at least 05% of total ordinary shares have the rights to:

- a. Request the Board of Directors to convene the General Meeting of Shareholders in accordance with Clause 3, Article 115 and Article 140 of the Law on Enterprises;
 - b. Access, review, and make extracts of the minutes, resolutions, and decisions of the Board of Directors; mid-year and annual financial statements; contracts and transactions to be approved by the Board of Directors; and other documents, except for those related to the Company's trade secrets and business secrets,;
 - c. Request the Board of Supervisors to inspect specific issues related to the management and operation of the Company. The request must be made in writing and include Full names, mailing addresses, nationalities, and ID numbers of individual shareholders; Names, enterprise/organization ID numbers, and headquarters addresses of organizational shareholders; Number of shares held, share subscription time of each shareholder, total shares held by the group of shareholders, and their ownership percentage; Issues to be inspected and the purpose of the inspection;
 - d. Propose the inclusion of issues in the agenda of the General Meeting of Shareholders. The proposal must be submitted in writing to the Company at least 3 working days before the meeting date and must include: The shareholder's name, number of shares held by type, and proposed issues for discussion;
 - e. Other rights prescribed by law and the Company's Charter.
3. Shareholders or groups of shareholders holding at least 10% of the total ordinary shares are entitled to nominate candidates for the Board of Directors and the Board of Supervisors:
 - a. Shareholders or groups of shareholders nominating candidates for the Board of Directors and the Board of Supervisors must notify the General Meeting of Shareholders prior to its opening;
 - b. Depending on the quantity of members of the Board of Directors and the Board of Supervisors, the shareholders or groups of shareholders prescribed in this Clause may nominate one or some candidates according to the decision of the General Meeting of Shareholders to the Board of Directors and the Board of Supervisors. In case the number of nominated candidates is smaller than the maximum permissible number of candidates specified in the decision of the General Meeting of Shareholders, the remaining candidates shall be nominated by Board of Directors, the Board of Supervisors and other shareholders.

Article 13. Obligations of shareholders

Ordinary shareholders have the obligations to:

1. Fully and punctually pay for the subscribed shares.
2. Shareholders shall not withdraw the contributed capital in the form of ordinary shares under any circumstances unless these shares are repurchased by the Company or other persons. Otherwise, the shareholder and related parties shall be jointly responsible for the Company's debts and liabilities within the value of the withdrawn shares and the damages caused.
3. Comply with the Company's Charter and internal regulations on company administration.
4. Comply with resolutions and decisions of the General Meeting of Shareholders and the Board of Directors.

5. Protect confidential information provided by the Company in accordance with the Company's Charter and the law. Shareholders shall only use such information to exercise and protect their lawful rights and interests. They shall not reproduce or disclose the Company's information to any other organizations or individuals.
6. Participate in the General Meeting of Shareholders and exercise the right to vote in the following manners:
 - a. In person at the meeting;
 - b. Through authorized representatives;
 - c. At online meetings, via electronic voting or other digital means;
 - d. By mail, fax, or email;
 - e. By other means as specified in the Company's Charter
7. Shareholders shall take personal responsibility when committing the following acts in the name of the Company under any circumstances:
 - a. Violating laws;
 - b. Engaging in business activities or transactions for personal benefit or for the benefit of other organizations or individuals;
 - c. Paying undue debts while the Company is facing financial risks.

Article 14. General Meeting of Shareholders (GMS)

1. The General Meeting of Shareholders, consisting of all shareholders with voting rights, is the highest decision-making authority of the Company. The General Meeting of Shareholders convenes once per year within four (04) months from the end of the fiscal year. Unless otherwise prescribed in the Company's Charter, the Board of Directors may extend the timeframe for holding the Annual General Meeting of Shareholders if necessary, but such extension shall not exceed six (06) months from the end of the fiscal year. Besides the annual meeting, the General Meeting of Shareholders may convene extraordinary meetings. The location of the General Meeting of Shareholders is determined as the venue where the chairperson of the meeting attends and must be within the territory of Vietnam.
2. The Board of Directors is responsible for convening the Annual General Meeting of Shareholders and selecting a suitable venue. The Annual General Meeting of Shareholders resolves issues prescribed by law and the Company's Charter, particularly approving the audited annual financial statements. In cases where the auditor's report on the Company's annual financial statements contains material exceptions, adverse opinions, or disclaimers, the Company must invite a representative of the approved auditing organization that conducted the audit of the financial statements to attend the Annual General Meeting of Shareholders. The representative of the approved auditing organization is obligated to attend the meeting.
3. The Board of Directors must convene an extraordinary General Meeting of Shareholders in the following cases:
 - a. When the Board of Directors deem necessary for the Company's interests by;

- b. When the number of members of the Board of Directors or the Board of Supervisors falls below the minimum number required by law;
 - c. Upon the request of a shareholder or a group of shareholders as specified in Clause 2, Article 115 of the Law on Enterprises. The request for convening an extraordinary General Meeting of Shareholders must be made in writing, clearly stating the reasons and purpose of the meeting, bearing the signatures of the relevant shareholders. Alternatively, the written request can be made in multiple copies and collectively signed by the relevant shareholders;
 - d. Upon the request of the Board of Supervisors;
 - e. Other cases as prescribed by law and this Charter.
4. Convening the Extraordinary General Meeting of Shareholders
- a. The Board of Directors must convene the General Meeting of Shareholders within thirty (30) days from the date when the number of members of the Board of Directors, independent members of the Board of Directors, or members of the Board of Supervisors falls below the levels stipulated in Point b, Clause 3 of this Article or upon receiving a request as stipulated in Points c and d, Clause 3 of this Article;
 - b. If the Board of Directors fails to convene the General Meeting of Shareholders as prescribed in Point a, Clause 4 of this Article, the Board of Supervisor shall convene the General Meeting of Shareholders within the following thirty (30) days, as prescribed in Clause 3, Article 140 of the Law on Enterprises;
 - c. If the Board of Supervisors fails to convene the General Meeting of Shareholders as stipulated in Point b, Clause 4 of this Article, the shareholder or group of shareholders specified in Point c, Clause 3 of this Article may request the Company's legal representative to convene the General Meeting of Shareholders, in accordance with the Law on Enterprises.
- In this case, the shareholder or group of shareholders convening the meeting may request the Business Registration Authority to supervise the procedures, conduct, and decision-making process of the General Meeting of Shareholders. All expenses incurred for convening and holding the General Meeting of Shareholders shall be reimbursed by the Company. These expenses do not include personal expenses incurred by shareholders attending the meeting, including accommodation and travel costs.
- d. The procedures for organizing the General Meeting of Shareholders shall comply with Clause 5, Article 140 of the Law on Enterprises.

Article 15. Rights and Obligations of the General Meeting of Shareholders

- 1. The General Meeting of Shareholders has the following rights and obligations:
 - a. Approve the Company's development orientations;
 - b. Decide the types of authorized shares and quantity of each type; decide annual dividends of each type of shares;
 - c. Elect, dismiss and discharge members of the Board of Directors and members of the Board of Supervisors;

- d. Decide investment in or sale of assets that are worth at least 35% of the total assets written the Company's latest financial statement;
 - e. Decide revisions to the Company's Charter;
 - f. Approve annual financial statements;
 - g. Decide to repurchase of over 10% of shares of each type;
 - h. Consider taking actions against violations committed by members of the Board of Directors and members of the Board of Supervisors if they cause damage to the Company and its shareholders;
 - i. Decide re-organization and dissolution of the Company;
 - j. Decide the budget or total remunerations, bonuses and other benefits of the Board of Directors and the Board of Supervisors;
 - k. Approve internal regulations on company administration, operation regulations of the Board of Directors and the Board of Supervisors;
 - l. Approve the list of accredited audit organizations; decide whether to allow accredited audit organizations to inspect the Company's operation; dismiss accredited auditors where necessary;
 - m. Other rights and obligations prescribed by law.
2. The General Meeting of Shareholders shall discuss and approve the following issues:
- a. The Company's annual business plan;
 - b. The audited annual financial statements;
 - c. The report of the Board of Directors on administration and performance of the Board of Directors and each of its members;
 - d. The report of the Board of Supervisors on the Company's business performance, performance of the Board of Directors, the General Director;
 - e. The self-assessment report on performance of the Board of Supervisors and its members;
 - f. Dividend level for each type of share;
 - g. The number of members of the Board of Directors and the Board of Supervisors;
 - h. Election, dismissal and discharge of members of the Board of Directors and members of the Board of Supervisors;
 - i. The budget or total remunerations, bonuses and other benefits of the Board of Directors and the Board of Supervisors;
 - j. Approve the List of Approved Auditing Firms; Decide on the Approved Auditing Firm to Audit the Company's Activities When Deemed Necessary;
 - k. Revisions to the Company's Charter;

- l. Types and quantity of additional shares of each type and transfer of shares by founders within the first 03 years after the establishment date;
 - m. Division, consolidation, merger or conversion of the Company;
 - n. Re-organization and dissolution (liquidation) of the Company and appointment of the liquidator;
 - o. Investment in or sale of assets that are worth at least 35% of the total assets written the Company's latest financial statement;
 - p. Repurchase of over 10% of shares of each type;
 - q. Conclusion of contracts and transactions with the entities specified in Clause 1 Article 167 of the Law on Enterprises that are worth at least 35% of the Company's total assets written in the latest financial statement;
 - r. Transactions specified in Clause 4 Article 293 of the Government's Decree No. 155/2020/ND-CP dated December 31, 2020 elaborating some Articles of the Law on Securities;
 - s. Internal regulations on company administration, operation of the Board of Directors and the Board of Supervisors;
 - t. Other issues prescribed by law and this Charter.
3. All resolutions and issues that have been included in the meeting agenda shall be discussed and voted on during the General Meeting of Shareholders .

Article 16. Authorizing participation in General Meeting of Shareholders

- 1. Shareholders and authorized representatives of shareholders that are organizations may directly participate or authorize one or more other organizations and individuals to participate in the GMS in one of the manners specified in Clause 3, Article 144 of the Law on Enterprises.
- 2. The authorization mentioned in Clause 1 of this Article shall be made in writing. Authorization documents shall specify the name of the authorizing shareholder, the authorized individual or organization, the quantity of shares authorized, details and scope of authorization, authorization period, and the signatures of the authorizing party and the authorized party.

The authorized participants shall submit the authorization documents when registering their participation in the meeting. In case an authorized participant authorizes another person to participate in the meeting, the original authorization document issued by the shareholder or authorized representative of the shareholder that is an organization shall be presented (if it has not yet been registered with the Company).
- 3. Votes paper by the authorized participants within the authorization scope shall remain effective unless:
 - a. The authorizing person is dead, has limited legal capacity, or is incapacitated;
 - b. The authorizing person has canceled the authorization;
 - c. The authorizing person has canceled the authority of the authorized person.

This Clause does not apply if the Company receives a notification of any of the aforementioned events before the official opening hour of the GMS or before the GMS is re-convened.

Article 17. Changes of rights

1. The change or cancellation of special rights associated with a certain type of preference share is effective when it is voted for by a number of shareholders that represent at least 65% of the votes. The General Meeting of Shareholders's resolution that contains adverse changes to the rights and obligations of preference shareholders may only be ratified if it is voted for by a number of participating preference shareholders that hold at least 75% of preference shares of the same type or approved by a number of preference shareholders that hold at least 75% of preference shares of the same type in case of questionnaire survey.
2. A meeting of shareholders holding a type of preference shares for approving the aforementioned change of right shall only be carried out when it is participated in by at least 02 shareholders (or their authorized representatives) that hold at least one third (1/3) of the nominal value of these shares. If the number of participating shareholders is not adequate, another meeting shall be carried out within 30 days regardless of the number of participating shareholders of that type of shares (or their authorized representatives) and the quantity of their shares. During the meeting, shareholders of that type of share may, directly or through their representatives, request a ballot. Each share of that type has the same number of votes in such a meeting.
3. Procedures for carrying out such a meeting are similar to those specified in Articles 19, 20 and 21 of this Charter.
4. Unless otherwise prescribed by shares issuance clauses, special rights associated with preference shares regarding some or all issues relevant to distribution of profit or assets of the Company shall not be changed when the Company issues additional shares of the same type.

Article 18. Convening, agenda and invitations to the General Meeting of Shareholders

1. The Board of Directors shall convene annual and extraordinary General Meeting of Shareholders. The Board of Directors shall convene extraordinary General Meeting of Shareholders in the cases specified in Clause 3 Article 14 of this Charter.
2. The person who convenes the General Meeting of Shareholders shall perform the following tasks:
 - a. Compile the list of shareholders eligible to participate in and vote at the General Meeting of Shareholders. This list shall be compiled within 10 days before the day on which the invitation to the General Meeting of Shareholders is sent. The Company shall announce the compilation of this list at least 20 days before the record date;
 - b. Prepare the meeting agenda and contents;
 - c. Prepare meeting documents;
 - d. Draft the resolution of the General Meeting of Shareholders according to the meeting contents;
 - e. Determine the meeting time and location;
 - f. Make an announcement and send invitations to all shareholders that are eligible to participate in the General Meeting of Shareholders;

- g. Perform other tasks serving the general meeting.
3. The notice of invitation to the General Meeting of Shareholders shall be sent to all shareholders by a method that ensures delivery to the contact address of the shareholders and posted on the websites of the Company, SSC and the Stock Exchange where the Company's shares are listed or registered. The person who convenes the General Meeting of Shareholders shall send invitations to all shareholders on the list of shareholders eligible to participate in the General Meeting of Shareholders at least 21 days before the opening date of the General Meeting of Shareholders (from the day on which the invitation is validly sent). The agenda of the General Meeting of Shareholders and documents relevant to the issues to be voted on at the General Meeting of Shareholders shall be sent to the shareholders and/or posted on the Company's website. In case these documents are not enclosed with the invitations, the invitations must contain the URL for these documents, including:
 - a. The meeting agenda and documents to be used during the meeting;
 - b. The list of and detailed information about all candidates for members of the Board of Directors and members of the Board of Supervisors (in case of election thereof);
 - c. Voting paper;
 - d. Draft resolution on each issue mentioned in the meeting agenda.
 4. The shareholder or group of shareholders mentioned in Clause 2 Article 12 of this Charter is entitled to propose inclusion of other issues on the agenda of the General Meeting of Shareholders. The proposal must be made in writing and sent to the Company at least 03 working days before the opening date of the General Meeting of Shareholders. The proposal shall specify the shareholder's name, quantity of each type of shares being held by the shareholder and the proposed issues.
 5. The person who convenes the General Meeting of Shareholders is entitled to reject the proposal mentioned in Clause 4 of this Article in any of the following cases:
 - a. The proposal is sent against the regulations of Clause 4 of this Article;
 - b. The proposing shareholder or group of shareholders is holding less than 5% of total ordinary shares when the proposal is made as prescribed in Clause 2 Article 12 of this Charter;
 - c. The proposed issue is outside the jurisdiction of the GMS;
 - d. Other cases prescribed by law and this Charter.
 6. The person who convenes the General Meeting of Shareholders shall accept and include the proposed issues mentioned in Clause 4 of this Article to the intended meeting agenda, except in the cases specified in Clause 5 of this Article; the proposed issues shall be officially included in the meeting agenda if approved by the General Meeting of Shareholders.

Article 19. Conditions for opening the General Meeting of Shareholders.

1. The General Meeting of Shareholders shall be convened when shareholders attending the meeting represent more than 50% (fifty percent) of the total voting shares.
2. If the first meeting does not satisfy the conditions prescribed in Clause 1 of this Article, a notice of the second meeting shall be sent within 30 (thirty) days from the date of the initially planned meeting unless otherwise provided in the Company's Charter. The second General Meeting of Shareholders

shall be convened when shareholders attending the meeting represent at least 33% (thirty-three percent) of the total voting shares.

3. If the second meeting does not satisfy the conditions prescribed in Clause 2 of this Article, a notice of the third meeting must be sent within 20 (twenty) days from the date of the second meeting. The third General Meeting of Shareholders shall be convened regardless of the total voting shares of the attending shareholders.

Article 20. Procedures for carrying out and voting at the GMS

1. Before opening the Meeting, the Company must conduct the shareholder registration until all presenting shareholders entitled to attend the Meeting are registered in the following order:
 - a. The Company shall issue to each voting shareholder or their authorized representative a vote card which has a registration number and full name of the shareholder or the authorized representative, and the number of votes of the shareholder. The General Meeting of Shareholders shall discuss and vote on each issue on the agenda. Votes include affirmative votes, negative votes and abstentions. Affirmative votes shall be collected first, negative votes later. Affirmative votes and negative votes shall be counted. The vote counting result shall be announced by the Chairman right before the meeting is closed. The General Meeting of Shareholders shall elect to vote counters or vote-counting supervisors at the request of the Chairman. The number of members of the vote-counting board shall be decided by the General Meeting of Shareholders at the request of the chair;
 - b. The shareholders and shareholders' authorized representatives that arrive at the meeting after the opening time may register their presence, participate and vote after registration. The Chairman does not have the responsibility to suspend the meeting and the effect of the decisions voted on before their presence shall remain unchanged.
2. The election of the Chairman, Secretary, and Vote Counting Committee shall be regulated as follows:
 - a. The Chairman shall act as the Chair of the General Meeting of Shareholders (the Chair) and authorize another member of the Board of Directors to act as the Chair of the General Meeting of Shareholders (GMS) convened by the Board of Directors. In case the Chairman is absent or temporarily incapacitated, the remaining members of the Board of Directors shall elect one of them to act as the Chair based on the majority principle. If no Chairperson is elected, the Chief Supervisors shall preside over the meeting for the GMS to elect a Chairperson from the attendees, and the person receiving the highest votes shall act as the Chairperson.
 - b. Except for the case specified in Point a of this Clause, the person signing the notice convening the GMS shall preside over the meeting for the GMS to elect a Chairperson, and the person with the highest votes shall act as the Chairperson.
 - c. The Chair shall appoint one or more persons to act as the Secretary of the meeting.
 - d. The General Meeting of Shareholders shall elect one or more individuals to the Vote Counting Committee upon the Chairperson's proposal.

3. The agenda and contents of the meeting must be approved by the General Meeting of Shareholders at the opening session. The agenda shall clearly and specifically allocate time for each matter included in the meeting contents.
4. The Chair of the meeting has the authority to take necessary and reasonable measures to conduct the GMS in an orderly manner, in accordance with the approved agenda, and to reflect the majority opinion of the attendees:
 - a. Arrange seating at the meeting venue;
 - b. Ensure the safety of all participants at the meeting venue;
 - c. Facilitate shareholders to attend (or continue attending) the meeting. The convener of the GMS has full discretion to modify these measures and implement all necessary measures. Measures may include issuing entry passes or using alternative methods.
5. The GMS shall discuss and vote on each matter in the agenda. Voting shall include options for approval, disapproval, and abstention. The vote-counting results shall be announced by the Chair before the meeting is adjourned.
6. Shareholders or their proxies who arrive after the meeting has commenced are still eligible to register and vote immediately after registration. In such cases, the validity of matters already voted on remains unchanged.
7. The convener or the Chair of the GMS has the following powers:
 - a. Require all attendees to undergo inspection or other lawful and reasonable security measures;
 - b. Request competent authorities to maintain order at the meeting and expel any individuals who fail to comply with the Chairperson's direction, deliberately disrupt order, impede the normal progress of the meeting, or fail to comply with security inspection requirements.
8. The Chairperson has the right to postpone the GMS, which already meets the quorum requirement, for no more than three (03) business days from the scheduled opening date, and may only postpone the meeting or change the meeting venue in the following cases:
 - a. The meeting venue lacks sufficient seating for all attendees;
 - b. Communication facilities at the meeting venue are inadequate for shareholders to attend, discuss, and vote;
 - c. Disruptions or disorder caused by attendees risk rendering the meeting unfair or unlawful.
9. If the Chair postpones or suspends the GMS contrary to the provisions of Clause 8 of this Article, the GMS shall elect another person from the attendees to replace the Chairperson to continue conducting the meeting until its conclusion. All resolutions passed at such a meeting remain legally effective.
10. If the Company adopts modern technology to hold the GMS online, the Company must ensure that shareholders can attend, vote via electronic voting, or other electronic means, in accordance with Article 144 of the Enterprise Law and Clause 3, Article 273 of Decree No. 155/ND-CP dated December 31, 2020, detailing the implementation of certain provisions of the Securities Law

Article 21. Conditions for ratification of resolutions of the GMS

1. Resolutions on the following issues shall be issued if they receive at least 65% affirmative votes from participating shareholders, except for the cases specified in Clauses 3, 4 and 6 Article 148 of the Law on Enterprises:
 - a. Types of shares and quantity of each type;
 - b. Change of business lines;
 - c. Changes to the Company's organizational structure;
 - d. Investment projects or sale of assets that are worth at least 35% of the total assets written the Company's latest financial statement;
 - e. Re-organization, dissolution of the Company.
2. A resolution shall be ratified when it is voted for by a number of shareholders that hold over 50% of the votes of all participating and voting shareholders, except for the cases specified in Clause 1 of this Article and Clauses 3, 4, 6 Article 148 of the Law on Enterprises.
3. A resolution of the GMS that is voted for by 100% of the voting shares shall be lawful and effective even if the procedures for convening the meeting and ratifying the resolution are not conformable with the Law on Enterprises and the Company's Charter.

Article 22. Authority and procedures for carrying out questionnaire survey for ratification of resolutions of the General Meeting of Shareholders

The authority and procedures for ratifying resolutions of the General Meeting of Shareholders by questionnaire survey:

1. The Board of Directors is entitled to carry out a questionnaire survey to ratify resolutions of the General Meeting of Shareholders when it is considered necessary for the Company's interests, including the cases specified in Clause 2 Article 147 of the Law on Enterprises.
2. The Board of Directors shall prepare and send the questionnaires, draft resolutions of the General Meeting of Shareholders, explanatory documents to the voting shareholders at least 10 days before the deadline for submission of the questionnaires in accordance with Clause 3 Article 18 of this Charter.
3. A questionnaire shall contain the following information:
 - a. The enterprise's name, headquarters address, identification number;
 - b. Purposes of the survey;
 - c. Full name, mailing address, nationality, ID number of the shareholder that is an individual; name, enterprise/organization ID number and headquarters address of the shareholder that is an organization or full name, mailing address, nationality, ID number of the representative of the shareholder that is an organization; quantity of shares of each type and the number of votes of the shareholder;
 - d. The issues being voted on;
 - e. Voting options for each issue, including affirmative, negative and abstentions;

- f. Submission deadline;
 - g. Full name and signature of the President of the Board of Directors.
4. Shareholders may send their completed questionnaires to the Company by mail, fax or email as follows:
- a. The questionnaire that is sent by mail shall bear the signature of the shareholder that is an individual or signature of the authorized representative of the shareholder is an organization. The questionnaire shall be put into a sealed envelope, which must not be opened before vote counting;
 - b. Questionnaires that are sent by fax or email must be kept confidential until vote counting time;
 - c. The questionnaires that are sent to the Company after the deadline or that are opened (for those sent by mail) or revealed (for those sent by fax or email) shall be invalidated. The shareholders that do not submit their questionnaires shall be considered not voting.
5. The Board of Directors shall count the votes and prepare the vote counting records in the presence of the Board of Supervisors or shareholders that are not holding managerial positions in the Company. The vote counting record shall contain the following information:
- a. The enterprise's name, headquarters address, identification number;
 - b. The purposes and issues voted on;
 - c. The quantity of shareholders and cast votes, including the quantity of valid and invalid votes, vote sending methods and the list of shareholders that have cast their votes;
 - d. Quantity of affirmative votes, negative votes and abstentions on each issue;
 - e. Ratified issues and ratio of affirmative votes;
 - f. Full name and signature of the President of the Board of Directors.

Members of the Board of Directors, vote counters and vote counting supervisors shall be jointly responsible for the truthfulness and accuracy of the vote counting records and any damage caused by the decisions that are ratified because of inaccurate vote counting.

6. The vote counting record and resolutions shall be sent to the shareholders within 15 days from the vote counting completion date, or uploaded to the Company's website within 24 hours after vote counting is completed.
7. The completed questionnaires, vote counting record, ratified resolutions and documents enclosed with questionnaires shall be retained at the Company's headquarters.
8. A resolution shall be ratified by questionnaire survey if it receive at least 50% affirmative votes from voting shareholders and has the same value as those ratified at the GMS.

Article 23. Resolutions and minutes of meetings of the GMS

1. Minutes of all General Meeting of Shareholders shall be taken in the form of written documents and may also be recorded or stored in other electronic forms. The minutes must be taken in Vietnamese and may also be in foreign languages with the following contents:

- a. The enterprise's name, headquarters address, identification number;
 - b. Time and location of the General Meeting of Shareholders ;
 - c. Agenda and contents of the meeting;
 - d. Full names of the chair and secretaries;
 - e. Summary of developments of the meeting and comments made during the meeting on each issue in the meeting agenda;
 - f. The number of shareholders and their votes; a list of registered shareholders, shareholders' representatives that participated in the meeting, their holdings and votes;
 - g. Total votes on each issue, voting method, numbers of valid votes, invalid votes, affirmative votes, negative votes and abstentions; corresponding ratios of these votes to total number of votes of participating shareholders;
 - h. Ratified issues and ratios of affirmative votes;
 - i. Full name and signatures of the chair and secretaries. In case the chair or a secretary refuses to sign the minutes, the minutes is still effective if it bears the signatures of all other participating members of the Board of Directors and have adequate information prescribed in this Clause. The minutes shall specify that the chair or secretary refuses to sign it.
2. The General Meeting of Shareholders minutes shall be completed and ratified before the meeting ends. The chair and secretaries or other persons that sign the minutes shall be jointly responsible for its truthfulness and accuracy.
 3. The minutes in Vietnamese and foreign languages have equal legal value. In case of discrepancies between the Vietnamese version and the foreign language version, the former shall apply.
 4. Resolutions, minutes of the GMS, the list of registered participating shareholders bearing their signatures, meeting participation authorization documents, documents enclosed to the minutes (if any) and documents enclosed to the invitations shall be disclosed in accordance with regulations of law on disclosure of information on the securities market and retained at the Company's headquarters.

Article 24. Requesting cancellation of a resolution of the General Meeting of Shareholders

Within 90 days from the receipt of the resolution or minutes of the GMS or the vote counting record, the shareholder or group of shareholders specified in Clause 2 Article 115 of the Law on Enterprises is entitled to request the court or arbitral tribunal to consider canceling all or part of the resolution of the GMS in the following cases:

1. The procedures for convening the meeting and decision-making of the GMS seriously violate the Law on Enterprises and the Company's Charter, except in the cases specified in Clause 3 Article 21 of this Charter.
2. The contents of the resolution violate regulations of law or this Charter.

VII. THE BOARD OF DIRECTORS

Article 25. Nomination and self-nomination of members of the Board of Directors

1. After candidates for members of the Board of Directors have been nominated, the Company shall disclose information about these candidates at least 10 days before the opening date of the GMS on the Company's website for the shareholders to study their profiles before voting. Each candidate shall prepare a written declaration that information about him/her is correct and to perform his/her duties in an honest and prudent manner for the best interests of the Company if he/she is given the position of member of the Board of Directors. Information about candidates includes:
 - a. Full name, date of birth;
 - b. Qualifications;
 - c. Work experience;
 - d. Other managerial positions (including positions in the Board of Directors of other companies);
 - e. Interests relevant to the Company and the Company's related parties;
 - f. Other information (if any) specified in the Company's Charter;
 - g. The public company shall publish information about the companies in which the candidates are holding the position of members of the Board of Directors and other managerial positions and their interests in these companies (if any).
2. The shareholder or group of shareholders that holds at least 10% of total ordinary shares is entitled to nominate candidates to the Board of Directors in accordance with the Law on Enterprises and the Company's Charter.
3. In case the number of candidates is smaller than the minimum number specified in Clause 5 Article 115 of the Law on Enterprises, the incumbent Board of Directors shall nominate more candidates or organize the nomination in accordance with the Company's Charter, internal regulations on Corporate Governance and regulations on operation of the Board of Directors. This must be announced before the GMS starts to vote for members of the Board of Directors as prescribed by law.
4. Members of the Board of Directors shall satisfy the standards and conditions specified in Clause 1 and Clause 2 Article 155 of the Law on Enterprises and must not concurrently hold positions as members of the Board of Directors, members of the Members' Council, or the General Director (Director) of another securities company.

Article 26. Term of office and composition of the Board of Directors

1. The number of members of the Board of Directors of the Company must be at least 05 (five) members and no more than 11 (eleven) members.
2. The tenure of a Member of Board of Directors shall not exceed 05 (five) years and may be re-elected without limitation on the number of terms. However, an individual may only be elected as an independent Member of Board of Directors of a company for a maximum of 02 (two) consecutive terms. If all Members of Board of Directors finish their terms simultaneously, those members shall continue to serve as Members of Board of Directors until new members are elected and take over the responsibilities.

3. Structure of the Board of Directors:

The structure of the Board of Directors must ensure that at least one-third (1/3) of its total members are non-executive members. The Company must minimize the number of members of Board of Directors concurrently holding executive positions to ensure the independence of the Board of Directors. The total number of independent members of Board of Directors must comply with the following requirements:

- a. At least 01 (one) independent member in the case of Board of Directors comprising 03 to 05 members;
 - b. At least 02 (two) independent members in the case of Board of Directors comprising 06 to 08 members;
 - c. At least 03 (three) independent members in the case of Board of Directors comprising 09 to 11 members.
4. A member of Board of Directors shall cease to hold the position in the event of dismissal, removal, or replacement by the General Meeting of Shareholders (GMS) in accordance with Article 160 of the Enterprise Law.
 5. The appointment of members of Board of Directors must be disclosed in accordance with legal regulations on information disclosure in the securities market.
 6. A member of Board of Directors is not required to be a shareholder of the Company.

Article 27. Rights and obligations of the Board of Directors

1. The Board of Directors is a managerial body of the Company and has the full authority to make decisions, exercise rights and obligations of the Company in the name of the Company, except for the rights and obligations of the GMS.
2. Rights and obligations of the Board of Directors shall be prescribed by law, the Company's Charter and the GMS. To be specific:
 - a. Decide the strategy, medium-term development and annual business plans of the Company;
 - b. Propose types of authorized shares and quantity of each type;
 - c. Decide the sale of unsold shares within the number of authorized shares of each type; decide other forms of raising additional capital;
 - d. Decide selling prices for shares and bonds of the Company;
 - e. Decide repurchase of shares in accordance with Clause 1 and Clause 2 Article 133 of the Law on Enterprises;
 - f. Decide investment plans and investment projects within its jurisdictions and limits prescribed by law;
 - g. Decide solutions for market development, marketing and technology;
 - h. Approve contracts for purchase, sale, lending and other contracts and transactions that are worth at least 35% of the total assets written the Company's latest financial statement, except

- contracts and transactions within the jurisdiction of the GMS as prescribed in Point d Clause 2 Article 138, Clause 1 and Clause 3 Article 167 of the Law on Enterprises;
- i. Elect, dismiss, discharge the Chairman; designate, discharge, conclude and terminate contracts with the Director/General Director and other key managers prescribed by the Company's Charter; decide salaries, remunerations, bonuses and other benefits of these managers; authorize representatives to participate in the Board of Members or GMS of other companies; decide their remunerations and other benefits;
 - j. Supervise the General Director and other managers operating everyday business of the Company;
 - k. Decide the organizational structure, rules and regulations of the Company, establishment of subsidiary companies, branches, representative offices, capital contribution and purchase of shares of other enterprises;
 - l. Approve the agenda and documents serving the GMS; convene the GMS or collect comments for the GMS to ratify its resolutions;
 - m. Submit audited annual financial statements to the GMS;
 - n. Propose dividends; decide the deadlines and procedures for paying dividends or settling losses incurred during business operation;
 - o. Propose re-organization, dissolution of the Company; request bankruptcy of the Company;
 - p. Decide promulgation of operation regulations of the Board of Directors, internal regulations on corporate governance after they are ratified by the GMS; decide promulgation of operating regulations of the Audit Committee affiliated to the Board of Directors, regulations on information disclosure;
 - q. Other rights and obligations prescribed by the Law on Enterprises, the Law on Securities, other regulations of law and the Company's Charter.
3. The Board of Directors shall submit reports on its performance Pursuant to Article 280 of Decree No. 155/2020/ND-CP dated December 31, 2020 elaborating some Articles of the Law on Securities.

Article 28. Remunerations, bonuses and other benefits of members of the Board of Directors

- 1. The company is entitled to pay remunerations and bonuses to members of the Board of Directors according to business performance.
- 2. Members of the Board of Directors are entitled to remunerations and bonuses. Remunerations are calculated according to the number of working days necessary for completion of their tasks and the daily rate. The Board of Directors shall estimate the remuneration of each member under unanimity rule. The total remunerations and bonuses for the Board of Directors shall be decided by the annual GMS.
- 3. Remunerations of each member of the Board of Directors shall be recorded as the Company's operating costs in accordance with regulations of law on corporate income tax, presented in a separate section of the Company's annual financial statement and reported at the annual GMS.

4. Members of the Board of Directors who are holding executive positions or working in subcommittees of the Board of Directors or performing tasks other than normal tasks of members of the Board of Directors may be paid an additional remuneration in the form of a lump sum, salary, commission, profit percentage or another form decided by the Board of Directors.
5. Members of the Board of Directors are entitled to reimbursement for the costs of travel, lodging and other reasonable costs incurred during the performance of their tasks, including the costs of participation in meetings of the GMS, the Board of Directors or its subcommittees.
6. Members of the Board of Directors may have responsibility insurance purchased by the Company if this is approved by the GMS. This insurance does not cover responsibility of members of the Board of Directors relevant to violations against the law and the Company's Charter.

Article 29. The Chairman

1. The Chairman shall be elected, dismissed among the members of the Board of Directors by the Board of Directors.
2. The Chairman must not concurrently hold the position of General Director.
3. Rights and obligations of the Chairman:
 - a. Formulate operating plans and programs for the Board of Directors;
 - b. Prepare the agenda and documents of meetings; convene and preside the Board of Directors meetings;
 - c. Organize the ratification of resolutions and decisions of the Board of Directors;
 - d. Supervise the process of implementation of resolutions and decisions of the Board of Directors;
 - e. Chair the General Meeting of Shareholders;
 - f. Other rights and obligations prescribed by the Law on Enterprises and the Company's Charter.
4. In case the Chairman submits a resignation letter or is dismissed, the Board of Directors shall elect a new Chairman within 10 days from the resignation or dismissal date.
5. In case the Chairman is not present or is not able to perform his duties, he/she shall authorize another member in writing to perform the rights and obligations of the Chairman in accordance with the Company's Charter. In case no one is authorized or the Chairman is dead, missing, held in police custody, imprisoned, detained in a mandatory rehabilitation center or correctional institution, has fled the residence, has limited capacity or is incapacitated, has difficulties controlling his/her behaviors, is prohibited by the Court from holding certain positions or doing certain works, the remaining members shall elect one of them to hold the position of Chairman under the majority rule until a new decision is issued by the Board of Directors.

Article 30. Meetings of the Board of Directors

1. The Chairman shall be elected during the first meeting of the Board of Directors within 07 working days after the same Board of Directors is elected. This meeting shall be convened and chaired by the member that receives the most votes. In case of a tie, the members shall vote under the majority rule to choose 01 person to convene the Board of Directors.

2. The Board of Directors shall have at least 01 meeting per quarter and may have ad hoc meetings.
3. The President of the Board of Directors shall convene a meeting of the Board of Directors in the following cases:
 - a. The meeting is requested by the Board of Supervisors or independent members of the Board of Directors;
 - b. The meeting is requested by the General Director or at least 05 more managers;
 - c. The meeting is requested by at least 02 members of the Board of Directors;
4. The request for meeting mentioned in Clause 3 must be made in writing, specify the purposes, issues that need discussing and deciding by the Board of Directors.
5. The Chairman shall convene the Board of Directors within 07 working days from the receipt of the request mentioned in Clause 3 of this Article. Otherwise, the Chairman shall be responsible for the damage incurred by the Company; the requester is entitled to convene the meeting instead of the Chairman.
6. The Chairman or the person who convenes the meeting of the Board of Directors shall send invitations at least 03 working days before the meeting. The invitation shall specify the meeting time, location, agenda, issues that need discussing and deciding. The invitation shall be enclosed with documents to be used at the meeting and votes.

The invitations to the meeting of the Board of Directors may be a physical invitation, by phone, fax, email as long as they are delivered to the mailing address of each member of the Board of Directors registered with the Company.
7. The Chairman or the person who convenes the meeting shall send the same invitations and enclosed documents to members of the Board of Supervisors.

Members of the Board of Supervisors are entitled to attend meetings of the Board of Directors; they are entitled to discuss but must not vote.
8. The meeting of the Board of Directors shall be opened when it is participated in by three fourths (3/4) of the members. In case the number of participating members is not adequate, the second meeting shall be convened within 07 days from the intended date of the first meeting. The second meeting shall be opened when it is participated in by more than half of the members of the Board of Directors.
9. It is considered that a member of the Board of Directors has participated in and voted at a meeting when he/she:
 - a. Participate and vote directly at the meeting;
 - b. Authorizes another person to participate in the meeting and vote in accordance with Clause 11 of this Article;
 - c. Participate and vote at online meeting; cast electronic votes or in other electronic forms;
 - d. Send votes by mail, fax or email;
 - e. dd) Sends his/her votes using other means prescribed by the Company's Charter.

10. In case the votes are sent to the meeting by mail, they must be put in sealed envelopes and delivered to the Chairman at least 01 hour before the opening hour. The votes shall only be opened in the presence of the meeting participants.
11. The members shall participate in all meetings of the Board of Directors. A member may authorize another person to participate in the meeting and vote if it is approved by the majority of the members of the Board of Directors.
12. The resolution or decision of the Board of Directors will be ratified if it is approved by the majority of the participating members. In case of a tie, the President of the Board of Directors shall have the casting vote.

Article 31. Subcommittees of the Board of Directors

1. The Board of Directors may establish subcommittees that will take charge of development policies, personnel, salaries and bonuses, internal audit, risk management. The quantity of members of each subcommittee shall be decided by the Board of Directors with at least 03 persons that are members of the Board of Directors and external members. Independent members of the Board of Directors/non-executive members of the Board of Directors shall make up a majority of the subcommittee and one of these member shall be designated as the chief of the subcommittee under a decision of the Board of Directors. The subcommittees shall operate in accordance with regulations of the Board of Directors. A subcommittee's resolution is only effective when it is voted for by the majority of its members during its meetings.
2. The implementation of decisions of the Board of Directors or its subcommittees shall be conformable with applicable regulations of law, the Company's Charter and company administration regulations.

Article 32. Person in charge of company administration

1. The Board of Directors of the Company shall appoint at least 01 person in charge of company administration, who will assist in administration works and may concurrently hold the position of the Company's secretary as prescribed in Clause 5 Article 156 of the Law on Enterprises.
2. The person in charge of company administration must not concurrently work for the accredited audit organization that is auditing the Company's financial statements.
3. The person in charge of company administration has the following rights and obligations:
 - a. Provide consultancy for the Board of Directors in organizing the General Meeting of Shareholders and performance of relevant tasks between the Company and its shareholders;
 - b. Prepare for meetings of the Board of Directors, the Board of Supervisors and the General Meeting of Shareholders as requested by the Board of Directors or the Board of Supervisors;
 - c. Provide consultancy on meeting procedures;
 - d. Participate in the meetings;
 - e. Provide consultancy on procedures for lawful issuance of resolutions of the Board of Directors;
 - f. Provide financial information, copies of minutes of meetings of the Board of Directors and other information for members of the Board of Directors and the Board of Supervisors;

- g. Supervise and report to the Board of Directors on the Company's information disclosure;
- h. Assist in contact between parties with relevant interests;
- i. Protect confidentiality in accordance with regulations of law and the Company's Charter;
- j. Other rights and obligations prescribed by law and the Company's Charter.

VIII. THE DIRECTOR/GENERAL DIRECTOR AND OTHER EXECUTIVES

Article 33. Organization of the management apparatus

The Company's management apparatus shall be responsible to the Board of Directors, supervised and controlled by the Board of Directors in the Company's everyday business operation. The Company has a General Director, Deputy General Directors, Chief Accountant and persons designated by the Board of Directors to hold other managerial positions. The designation and dismissal of these persons are subject to ratification by resolutions or decisions of the Board of Directors.

Article 34. The Company's executives

1. The Company's executives include the General Director, Deputy General Director, Chief Accountant and other executive directors;
2. When requested by the General Director and approved by the Board of Directors, the Company may recruit other executives with the quantity and qualifications conformable to the organizational structure and management regulations of the Company prescribed by the Board of Directors. Executives shall assist the Company in achieving its organizational and business objectives.
3. The General Director shall receive salaries and bonuses, which are decided by the Board of Directors.
4. Salaries of executives shall be recorded as the Company's operating costs in accordance with regulations of law on corporate income tax, presented in a separate section of the Company's annual financial statement and reported at the annual GMS.

Article 35. Designation, dismissal, duties and entitlements of the General Director

1. The Board of Directors shall designate 01 member of the Board of Directors or hires a person as the General Director.
2. The General Director shall administer the Company's everyday business operation; be supervised by the Board of Directors; is responsible to the Board of Directors and the law for performing his/her rights and obligations.
3. The term of office of the General Director shall not exceed five years and may be reappointed without term limits. The General Director must satisfy the requirements prescribed in Clause 5, Article 74 of the Law on Securities.
4. The General Director has the following rights and obligations:
 - a. Decide the issues relevant to the Company's everyday business operation outside the jurisdiction of the Board of Directors;
 - b. Organize the implementation of resolutions and decisions of the Board of Directors;

- c. Organize the implementation of the Company's business plans and investment plans;
 - d. Propose organizational structure and internal administration regulations of the Company;
 - e. Designate, dismiss and discharge managerial positions in the Company, except for those within the jurisdiction of the Board of Directors;
 - f. Decide the salaries and other benefits of the Company's employees, including the managers designated by the Director/General Director;
 - g. Recruit employees;
 - h. Propose dividend payment plan or business loss settlement;
 - i. Other rights and obligations prescribed by law, the Company's Charter, resolutions and decisions of the Board of Directors.
5. The Board of Directors may dismiss the General Director if it is approved by the majority of members of the Board of Directors who have the right to vote and participate in the meeting and designate a new General Director.

Article 36. Internal Control and Risk Management under the Management System

1. The Internal Control Department is responsible for overseeing compliance with the following:
 - a. Examining and supervising compliance with laws, the Company's Charter, resolutions of the General Meeting of Shareholders, decisions of the Board of Directors, internal regulations, operational procedures, and risk management processes of the Company, relevant departments, and securities practitioners within the Company;
 - b. Monitoring the enforcement of internal regulations and identifying activities that may create conflicts of interest within the Company, particularly regarding the Company's own business operations and personal transactions of its employees. The department also oversees the responsibilities of staff and partners involved in delegated activities;
 - c. Reviewing and supervising compliance with professional ethical standards;
 - d. Monitoring financial safety calculations and compliance with applicable financial safety regulations;
 - e. Ensuring the segregation of clients' assets;
 - f. Safeguarding and maintaining custody of clients' assets;
 - g. Overseeing compliance with regulations on anti-money laundering;
 - h. Other duties assigned by the General Director.
2. Personnel Requirements for the Internal Control Department:
 - a. The Head of the Internal Control Department must possess expertise in law, accounting, or auditing and must have adequate experience, credibility, and authority to perform the assigned duties effectively;

C/C H RI

- b. The Head must not be a related party to the heads of specialized departments, operational personnel, the General Director, Deputy General Directors, or Branch Managers within the Company;
 - c. Must hold a Securities Practitioner Certificate or certificates in Fundamentals of Securities and Securities Market and Securities and Securities Market Law;
 - d. Must not concurrently hold other positions within the Company.
3. Duties of the Risk Management System:
- a. Determining the risk management policies and the Company's risk tolerance;
 - b. Identifying the risks faced by the Company;
 - c. Measuring risks;
 - d. Monitoring, preventing, detecting, and resolving risks.

IX. THE BOARD OF SUPERVISORS

Article 37. Nomination and self-nomination of members of the Board of Supervisors

- 1. The nomination and self-nomination of members of the Board of Supervisors shall comply with Clause 1 and Clause 2 Article 25 of this Decree.
- 2. In case the number of nominated and self-nominated candidates is smaller than the minimum number specified in Clause 5 Article 115 of the Law on Enterprises, the incumbent Board of Supervisors shall nominate more candidates or organize the nomination in accordance with [the Company's Charter] and administration regulations and operating regulations of the Board of Supervisors. This must be announced before the GMS starts to vote for members of the Board of Supervisors as prescribed by law.

Article 38. Composition of the Board of Supervisors

- 1. The Board of Supervisors of the Company shall consist of at least three (03) members and no more than five (05) members. The term of a member of the Board of Supervisors shall not exceed five (05) years and may be re-elected without limitation on the number of terms.
- 2. Members of the Board of Supervisors shall satisfy the standards and conditions specified in Article 169 of the Law on Enterprises and the Company's Charter and shall not:
 - a. Work in the Company's accounting or finance department;
 - b. Be a member or employee of the independent accredited audit organization auditing the Company's financial statements over the last 03 years.
- 3. A member of the Board of Supervisors will be dismissed in the following cases:
 - a. He/she no longer fully satisfies the requirements specified in Clause 2 of this Article;
 - b. He/she hands in resignation letter which is accepted;
- 4. A member of the Board of Supervisors will be discharged in the following cases:
 - a. He/she fails to fulfill the assigned tasks and duties;

- b. He/she fails to perform his/her rights and obligations for 06 consecutive months, except in force majeure events;
- c. He/she commits multiple or serious violations against obligations of members of the Board of Supervisors prescribed by the Law on Enterprises and the Company's Charter.
- d. Other cases are specified in the resolution of the General Meeting of Shareholders.

Article 39. Chief Supervisor

1. The Chief Supervisor shall be elected by the Board of Supervisors among its members under the majority rule. More than half of the members of the Board of Supervisors shall be residents of Vietnam. The Chief Supervisor shall have a bachelor's degree or higher in economics, finance, accounting, audit, law, business administration or another major that is relevant to the enterprise's operation.
2. Rights and obligations of the Chief Supervisor:
 - a. Convene meetings of the Board of Supervisors;
 - b. Request the Board of Directors, the General Director and other executives to provide relevant information for reporting to the Board of Supervisors;
 - c. Prepare and sign reports of the Board of Supervisors after consulting with the Board of Directors for submission to the GMS.

Article 40. Rights and obligations of the Board of Supervisors

The Board of Supervisors shall have the rights and obligations as prescribed in Article 170 of the Law on Enterprises and the following rights and obligations:

1. Propose and recommend to the General Meeting of Shareholders for approval the list of approved auditing organizations to audit the Company's financial statements; decide on the approved auditing organization to conduct the audit of the Company's activities and dismiss the approved auditors when deemed necessary.
2. Be accountable to the shareholders for its supervisory activities.
3. Supervise the Company's financial situation and compliance with laws in the activities of the Board of Directors, the General Director, and other managers.
4. Ensure coordination with the Board of Directors, the General Director, and shareholders in performing its duties.
5. In cases of detecting violations of the law or the Company's Charter by members of the Board of Directors, the General Director, or other managers, the Board of Supervisors must notify the Board of Directors in writing within 48 hours, request the violators to cease such violations, and propose measures to remedy the consequences.
6. Develop the Board of Supervisors's Operation Regulations and submit them to the General Meeting of Shareholders for approval.

7. Report at the General Meeting of Shareholders in accordance with Article 290 of Decree No. 155/2020/ND-CP dated December 31, 2020, of the Government detailing the implementation of certain articles of the Law on Securities.
8. Have the right to access the Company's records and documents stored at its headquarters, branches, and other locations; have the right to visit the workplaces of the Company's managers and employees during working hours.
9. Have the right to request the Board of Directors, members of the Board of Directors, the Board of Management, and other managers to provide full, accurate, and timely information and documents on the Company's management, administration, and business operations.
10. Perform other rights and obligations as prescribed by law and this Charter.

Article 41. Meetings of the Board of Supervisors

1. The Board of Supervisors shall have at least 02 meetings per year. Each meeting must be participated in by at least two-thirds (2/3) of its members. Minutes of these meetings must be detailed, bear the signatures of the minute taker and participating members. All minutes of meetings of the Board of Supervisors must be retained in order to attribute responsibility of each member.
2. The Board of Supervisors is entitled to request members of the Board of Directors, the General Director and representatives of the accredited audit organization to participate in its meetings and clarify raised issues.

Article 42. Salaries, remunerations, bonuses and other benefits of members of the Board of Supervisors

The salaries, remunerations, bonuses and other benefits of members of the Board of Supervisors shall comply with the regulations below:

1. Members of the Board of Supervisors shall receive salaries, remuneration, bonuses, and other benefits as decided by the General Meeting of Shareholders. The General Meeting of Shareholders shall determine the total amount of salaries, remuneration, bonuses, other benefits, and the annual operating budget of the Board of Supervisors.
2. Members of the Board of Supervisors shall be reimbursed for reasonable expenses for accommodation, travel, and the use of independent consultancy services. The total remuneration and expenses shall not exceed the annual operating budget of the Board of Supervisors as approved by the General Meeting of Shareholders, unless otherwise decided by the General Meeting of Shareholders.
3. The salaries and operating expenses of the Board of Supervisors shall be accounted for as business expenses of the Company in accordance with regulations on corporate income tax and other relevant laws. These expenses shall be presented as a separate item in the Company's annual financial statements.

Article 43. Nomination and self-nomination of members of the Audit Committee

1. The chairperson and other members of the Audit Committee shall be nominated by the Board of Directors and shall not be executives of the Company.

2. The designation of the chairperson and other members of the Audit Committee is subject to approval by the Board of Directors during its meeting.

Article 44. Composition of the Audit Committee

1. The Audit Committee shall have at least 02 members. The chairperson of the Audit Committee shall be an independent member of the Board of Directors. Other members of the Audit Committee shall be non-executive members of the Board of Directors.
2. Members of the Audit Committee shall have knowledge about accounting, audit, law and the Company's operation, and must not:
 - a. Work in the Company's accounting or finance department;
 - b. Be a member or employee of the independent accredited audit organization auditing the Company's financial statements over the last 03 years.
3. The chairperson of the Audit Committee shall have a bachelor's degree or higher in economics, finance, accounting, audit, law or business administration.

Article 45. Rights and obligations of the Audit Committee

The Audit Committee shall have the rights and obligations prescribed in Article 161 of the Law on Enterprises, the Company's Charter, and the following rights and obligations:

1. To access documents related to the Company's operations and communicate with other members of the Board of Directors, the General Director, the Chief Accountant, and other managerial officers to collect information necessary for the Audit Committee's activities.
2. To request the presence of representatives of the approved auditing organization at Audit Committee meetings to address issues related to the audited financial statements.
3. To engage external legal, accounting, or other consulting services when necessary.
4. To develop and submit risk detection and management policies to the Board of Directors and propose solutions for addressing risks arising in the Company's operations.
5. To prepare written reports and submit them to the Board of Directors upon detecting that members of the Board of Directors, the General Director, or other managerial officers fail to fulfill their responsibilities as prescribed by the Law on Enterprises and the Company's Charter.
6. To develop the Operational Regulations of the Audit Committee and submit them to the Board of Directors for approval

Article 46. Meetings of the Audit Committee

1. The Audit Committee shall convene at least twice (02) a year. Detailed and clear meeting minutes shall be prepared and fully retained. The minutes must be signed by the minutes taker and all Audit Committee members attending the meeting.
2. The Audit Committee shall adopt resolutions by voting at meetings, collecting written opinions, or other methods stipulated in the Company's Charter or the Audit Committee's Operational Regulations. Each Audit Committee member shall have one vote. Unless otherwise specified by the Company's Charter or the Audit Committee's Operational Regulations requiring a higher voting ratio,

resolutions of the Audit Committee shall be passed if approved by the majority of attending members. In case of a tie, the final decision shall follow the opinion of the Chairperson of the Audit Committee.

Article 47. Reporting by independent members of the Board of Directors in the Audit Committee at the annual General Meeting of Shareholders

1. Independent members of the Board of Directors in the Audit Committee shall report during the annual GMS
2. Such a report shall have the following contents:
 - a. Remunerations, operating costs and other benefits of the Audit Committee and each of its members as prescribed in the Law on Enterprises and the Company's Charter;
 - b. Summaries of meetings of the Audit Committee, its verdicts and proposals;
 - c. Results of supervision of the Company's financial statements, finance and operation;
 - d. Evaluation of transactions between the Company, subsidiary companies and companies over 50% charter capital of which is held by the Company with members of the Board of Directors, the General Director, other executives of the Company and their affiliated persons; transactions between the Company with companies whose founders or managers are members of the Board of Directors, the General Director or executives over the last 03 years from the transaction date;
 - e. Evaluation of the Company's internal control and risk management system;
 - f. Performance of the Board of Directors, the General Director and other executives of the Company;
 - g. Cooperation between the Audit Committee with the Board of Directors, the General Director and shareholders.

X. RESPONSIBILITY OF MEMBERS OF THE BOARD OF DIRECTORS, MEMBERS OF THE BOARD OF SUPERVISORS, THE GENERAL DIRECTOR AND OTHER EXECUTIVES

Members of the Board of Directors, members of the Board of Supervisors, the General Director, other executives shall fulfill their duties as members of subcommittees of the Board of Directors in a truthful and prudent manner to serve the interests of the Company.

Article 48. Responsibility for honesty and prevention of conflict of interest

1. Members of the Board of Directors, members of the Board of Supervisors, General Director and other managers shall disclose their relevant interests in accordance with the Law on Enterprises and relevant legislative documents.
2. Members of the Board of Directors, members of the Board of Supervisors, the General Director, other managers and their affiliated persons may only use the information obtained from their positions to serve the interests of the Company.
3. Members of the Board of Directors, members of the Board of Supervisors, the General Director, and other managers are obligated to notify the Board of Directors and the Board of Supervisors in writing

of any transactions between the Company, its subsidiaries, or other companies in which the public company holds over 50% of the charter capital, and such individuals or their related persons as prescribed by law. For the aforementioned transactions that are approved by the General Meeting of Shareholders or the Board of Directors, the Company must disclose information about these resolutions in accordance with the provisions of laws on securities regarding information disclosure.

4. Members of the Board of Directors must not vote on the transactions that bring interests to themselves or their related persons as prescribed by the Law on Enterprises.
5. Members of the Board of Directors, members of the Board of Supervisors, the General Director, other managers and their related persons must not use or reveal internal information for carrying out relevant transactions.
6. Transactions between the Company with one or some members of the Board of Directors, members of the Board of Supervisors, the General Director, other executives and their related persons shall not be invalidated in the following cases:
 - a. For transactions with value do not exceed 35% of the total assets written in the latest financial statements, important contents of the contracts or transactions as well as relationships and interests of members of the Board of Directors, members of the Board of Supervisors, the General Director, other executives have been reported to the Board of Directors and are approved by the majority of the members of the Board of Directors without relevant interests;
 - b. For transactions with value exceeding 35% or transactions that result in the cumulative transaction value within 12 (twelve) months from the date of the first transaction reaching 35% or more of the total asset value recorded in the most recent financial statements, the key details of such transactions, as well as the relationships and interests of members of the Board of Directors, members of the Board of Supervisors, the General Director, and other managers, must be disclosed to shareholders and approved by the General Meeting of Shareholders through the votes of non-interested shareholders.

Article 49. Responsibility for damage and compensation

1. Any members of the Board of Directors, members of the Board of Supervisors, the General Director or other executives that fail to fulfill their duties truthfully and prudently shall be held responsible for their violations.
2. The Company shall indemnify individuals who have been, are, or may become a party to complaints, lawsuits, or prosecutions (including civil, and administrative cases, and not initiated by the Company) if such individuals have been or are members of the Board of Directors, members of the Board of Supervisors, the General Director, other executives, employees, or authorized representatives of the Company performing their duties in good faith, with due care, for the benefit of the Company, in compliance with the law, and where no evidence exists that they have breached their responsibilities.
3. Indemnifiable expenses include judgment costs, fines, and actual payments incurred (including attorney's fees) in resolving such cases within the limits permitted by law. The Company may purchase insurance for these individuals to cover the indemnification responsibilities mentioned above.

XI. RIGHTS TO ACCESS THE COMPANY'S DOCUMENTS AND RECORDS

Article 50. Rights to access the Company's documents and records

1. Ordinary shareholders have the right to access the Company's documents and records. To be specific:
 - a. Ordinary shareholders are entitled to access, examine and extract information about names and addresses of voting shareholders; request rectification of incorrect information about themselves; examine, access, extract or copy the Company's Charter, minutes and resolutions of the General Meeting of Shareholders;
 - b. The shareholder or group of shareholders that hold at least 05% of ordinary shares is entitled to examine, access, and extract the minutes, resolutions and decisions of the Board of Directors, interim and annual financial statements, reports of the Board of Supervisors, contracts and transactions subject to approval by the Board of Directors and other documents, except documents relevant to the Company's trade secrets.
2. In case the authorized representatives of the aforementioned shareholder or group of shareholders request access to documents and records, the request shall be enclosed with the authorization letter (or its notarized copy) issued by the shareholder or group of shareholders.
3. Members of the Board of Directors, members of the Board of Supervisors, the General Director and other executives are entitled to access the Company's shareholder register, list of shareholders, other documents for the purposes that are relevant to their positions, provided this information is kept confidential.
4. The Company shall retain this Charter and its amendments, the Certificate of Enterprise Registration, regulations, and documents evidencing asset ownership, resolutions of the General Meeting of Shareholders and the Board of Directors, minutes of the meetings of the General Meeting of Shareholders and the Board of Directors, reports of the Board of Directors and the Board of Supervisors, annual financial statements, accounting records, and other documents as prescribed by law at its headquarters or another designated location. The location of these documents shall be disclosed to shareholders and the business registration authorities.
5. The Company's Charter shall be disclosed on the Company's website.

XII. EMPLOYEES AND TRADE UNION

Article 51. Employees and Trade Union

1. The General Director shall formulate a plan for the Board of Directors to approve issues relevant to recruitment, resignation, salaries, social insurance, benefits, discipline and commendation of employees and executives.
2. The General Director shall formulate a plan for the Board of Directors to approve issues relevant to the Company's relationships with trade union organizations according to best standards, practice and management policies, the practice and policies specified in this Charter, the Company's regulations and applicable laws.

XIII. DISTRIBUTION OF PROFITS

Article 52. Distribution of profits

1. The General Meeting of Shareholders shall decide the dividend payment rate and the form of dividend payment annually based on the Company's retained earnings.
2. The Company shall not pay interest on dividend payments or other payments related to any class of shares.
3. The Board of Directors may propose the General Meeting of Shareholders approve the payment of dividends in shares, wholly or partially, and the Board of Directors shall implement the resolution of the General Meeting of Shareholders regarding this matter.
4. In cases where dividends or other payments related to a class of shares are paid in cash, the Company must make such payments in Vietnamese Dong. Payment may be made directly or through banks based on the bank account details provided by the shareholders. If the Company has transferred the payment to the bank account details provided by the shareholders and the shareholder does not receive the money, the Company shall not bear responsibility for the amount transferred. Dividend payments for shares listed or registered for trading on the Stock Exchange may be processed through securities companies or the Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation (VSDC).
5. Pursuant to the Law on Enterprises and the Law on Securities, the Board of Directors shall issue a resolution or decision specifying a record date for finalizing the list of shareholders eligible for benefits in accordance with the plan approved by the GMS. Based on this record date, individuals registered as shareholders or holders of other securities shall be entitled to receive dividends in cash or shares, notifications, or other documents.
6. Other matters related to the distribution of profits shall be carried out in accordance with applicable laws.

XIV. BANK ACCOUNTS, FISCAL YEARS AND ACCOUNTING

Article 52. Bank accounts

1. The Company shall open accounts at Vietnamese banks or foreign bank branches that are permitted to operate in Vietnam.
2. Where necessary and if permitted by competent authorities, the Company may open foreign bank accounts in accordance with regulations of law.
3. All payments and accounting transactions of the Company shall be carried out through the Company's VND or foreign currency bank accounts.

Article 53. Fiscal year

The Company's fiscal year begins on January 1st and ends on December 31st every year.

Article 54. Accounting

1. The Company shall apply corporate accounting regulations or special accounting regulations promulgated and approved by competent authorities.

2. The Company's accounting records shall be written in Vietnamese and retained in accordance with accounting laws and relevant laws. These records shall be accurate, up to date, systematic, and able to prove and explain the Company's transactions.

3. The accounting currency shall be VND. If the Company's transactions primarily use a foreign currency, the Company may use it as accounting currency, take legal responsibility and send a notice to its supervisory tax authority.

XV. FINANCIAL STATEMENTS, ANNUAL REPORTS AND RESPONSIBILITY FOR INFORMATION DISCLOSURE

Article 55. Annual, interim and quarterly Financial Statements, Annual reports

1. The Company shall prepare annual financial statements, which must be audited as prescribed by law. The Company shall disclose the audited annual financial statements in accordance with regulations of law on disclosing information on the securities market and submit them to competent authorities.
2. The annual financial statements shall have adequate contents, appendices and descriptions prescribed by corporate accounting laws. Annual financial statements shall truthfully and objectively reflect the Company's operation.
3. The Company shall prepare and disclose examined interim financial statements and quarterly financial statements in accordance with regulations of law on disclosing information on the securities market and submit them to competent authorities.
4. The Company shall prepare and publish Annual Reports in accordance with regulations of law on securities and the securities market.

XVI. AUDIT

Article 57. Audit

1. The General Meeting of Shareholders shall appoint an independent audit company or authorize the Board of Directors to select one on the list of independent audit companies, which will audit the Company's financial statements of the next year under agreements with the Board of Directors.
2. Audit reports shall be enclosed with the Company's annual financial statements.
3. Independent auditors that audit the Company's financial statements are entitled to participate in the General Meeting of Shareholders, receive notices and information relevant to the General Meeting of Shareholders, and comment at the General Meeting of Shareholders on the issues relevant to the audit of the Company's financial statements.

XVII. THE COMPANY'S SEALS

Article 58. The Company's seals

1. The seal includes seals made at seal engraving establishments or seals in the form of digital signatures in accordance with the provisions of the law on electronic transactions.

2. The Board of Directors shall determine the type, quantity, form, and content of the seals of the Company, its branches, and representative offices (if any).
3. The Board of Directors and the General Director shall use and manage the seals in compliance with applicable law.

XVIII. DISSOLUTION OF THE COMPANY

Article 59. Dissolution of the Company

1. The Company can be dissolved in the following cases:
 - a. The operating period expires without a decision on the extension;
 - b. According to the resolution or decision of the General Meeting of Shareholders;
 - c. The Certificate of Enterprise Registration is revoked, unless otherwise prescribed by the Law on Tax Administration;
 - d. Other cases prescribed by law.
2. The early dissolution of the Company shall be decided by the General Meeting of Shareholders and executed by the Board of Directors. This dissolution decision must be notified to or approved by the competent authority (if required) in accordance with applicable regulations.
3. Reorganization of the Company: The implementation of division, separation, consolidation, merger, or conversion of the Company shall be decided by the General Meeting of Shareholders and executed by the Board of Directors. This decision must be notified to or approved by the competent authority (if required) in accordance with applicable regulations. The procedures and processes for division, separation, consolidation, merger, or conversion shall comply with the provisions of the Law on Enterprises, the Law on Securities, and other relevant legal regulations.

Article 60. Extension of the operating period

1. The Board of Directors shall convene the General Meeting of Shareholders at least seven months before the expiration of the Company's operating term to allow shareholders to vote on the extension of the Company's operating term, as requested by the Board of Directors.
2. The operating term shall be extended if the resolution is approved by shareholders representing at least 65% of the voting rights of all shareholders participating.

Article 61. Liquidation

1. At least 06 months before the expiry of the Company's operating period or after a decision on dissolution of the Company is issued, the Board of Directors shall establish a Liquidation Board, which consists of 03 members, 02 of whom shall be appointed by the General Meeting of Shareholders and 01 by the Board of Directors from 01 independent audit company. The Liquidation Board shall formulate its operating regulations. Members of the Liquidation Board may be selected from the Company's employees or independent experts. Priority shall be given to payment of liquidation costs over other debts of the Company.

2. The Liquidation Board shall inform the business registration authority of its establishment date and commencement date. From that date, the liquidation board shall perform all liquidation tasks on behalf of the Company in the court and administrative authorities.
3. Revenues from the liquidation shall be used in the following order:
 - a. Liquidation costs;
 - b. Unpaid salaries, severance pay, social insurance and other benefits of employees according to the collective bargaining agreement and employment contracts;
 - c. Tax debts;
 - d. Other debts of the Company;
 - e. The remainder after payment of the debts specified in (a) to (d) shall be divided among the shareholders. Priority shall be given to preference shares.

XIX. SETTLEMENT OF INTERNAL DISPUTES

Article 62. Settlement of internal disputes

1. In case of disputes and complaints relevant to the Company's operation, rights and obligations of shareholders prescribed by the Law on Enterprises, the Company's Charter, other laws or agreements between:
 - a. The shareholders and the Company;
 - b. The shareholders and the Board of Directors, the Board of Supervisors, the General Director or other executives;

The parties shall try to settle these disputes through negotiation and mediation. Except for disputes that involve the Board of Directors or the Chairman, the Chairman shall preside over the settlement of disputes and request each party to provide information about their dispute within 30 working days from the occurrence of the dispute. In case the dispute involves the Board of Directors or the Chairman, either party is entitled to request the appointment of an independent expert as a mediator.
2. In case the dispute cannot be settled through mediation within 06 weeks or the mediator's decision is not accepted by the parties, either party may bring the case to court or arbitration.
3. The parties shall pay the cost of negotiation and mediation. The cost of proceedings at court shall be paid under the court's judgment.

XX. REVISING THE COMPANY'S CHARTER

Article 63. The Company's Charter

1. Any amendments or supplements to this Charter shall be subject to consideration and approval by the General Meeting of Shareholders.

2. In cases where legal provisions relevant to the Company's operations are not specified in this Charter, or where new legal provisions conflict with the terms of this Charter, such legal provisions shall prevail in governing the Company's activities.

XXI. EFFECTIVE DATE

Article 64. Effective date

1. This Charter consists of 21 Sections and 64 Articles, fully ratified by the Annual General Meeting of Shareholders for the fiscal year 2020 on April 7, 2021. The Charter is amended with contents in Articles 21 and 27 according to the Resolution of the Annual General Meeting of Shareholders for the fiscal year 2021 dated April 5, 2022; amended the content of the new charter capital to be consistent with the Amended License No. 104/GPĐC-UBCK issued by the State Securities Commission on October 26, 2022; amended the content of the Company's Registration Office to be consistent with the Revised License No. 02/GPĐC-UBCK issued by the State Securities Commission on January 5, 2023; amended contents in Articles 2 and 8 according to the Resolution of the Annual General Meeting of Shareholders for the fiscal year 2023 dated April 8, 2024; amended the content of the new charter capital to adapt with the Adjustment License No. 56/GPĐC-UBCK issued by the State Securities Commission on July 17, 2024; amended contents in Articles 2 according to the Resolution of the Annual General Meeting of Shareholders for the fiscal year 2024 dated April 3, 2025; amended the content of the new charter capital in compliance with the Amended License No. 43/GPĐC-UBCK issued by the State Securities Commission on July 08, 2025.
2. This Charter shall be made into 06 (six) copies with equal value and retained at the Company's headquarters.
3. This is the only and official Charter of the Company.
4. Copies and extracts of this Charter shall be effective when they bear the signature of the President of the Board of Directors or at least half of the members of the Board of Directors.
5. This Charter has been effective since July 16, 2025.

**THE LEGAL REPRESENTATIVE
CHAIRMAN**

(signed and sealed)

NGUYEN MIEN TUAN



(NOTE: This English version is a translation of the original Vietnamese version, and it is consistent with the content of the Vietnamese version and provided for reference only. In the event of any discrepancies or differences in interpretation between the Vietnamese and English versions, the Vietnamese version shall prevail.)